



CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP ĐIỆN TÀI TRƯỜNG THÀNH LONG AN
 VP Đại diện: 79/35 Đường Âu Cơ, P.14, Q.11, TP.HCM
 VP Kinh doanh: 192 Trần Đại Nghĩa, KP4, P. Tân Tạo A, Q.Bình Tân, Tp.HCM.
 ĐT: (028) 3 7565525 – 3 7565526 ; Fax : (028) 37565528
 Website : www.tttcable.com - Email: taitruongthanh@tttcable.com



Số 03/2019/BG.TTT

Ngày 10/06/2019

Cáp Điện Lực Lõi Đồng, Cách Điện PVC 450v/750v

Sản phẩm đạt chất lượng theo TCVN

STT	QUI CÁCH	KẾT CẤU	ĐVT	ĐƠN GIÁ	GHI CHÚ
Loại 01 Lõi Đồng bọc PVC , cách điện 450v / 750v					
1	CV 1.5 mm ²	1c x 7s / 0,52	“	3.100	
2	CV 2.5 mm ²	1c x 7s / 0,67	“	5.000	
3	CV 4.0 mm ²	1c x 7s / 0,85	“	7.800	
4	CV 6.0 mm ²	1c x 7s / 1,04	“	11.500	
Loại 02 Lõi Đồng bọc PVC , cách điện 300v / 500v					
5	2 x 1.5 mm ²	2c x 7s / 0,52	“	9.200	
6	2 x 2.5 mm ²	2c x 7s / 0,67	“	13.700	
7	2 x 4.0 mm ²	2c x 7s / 0,85	“	20.200	
8	2 x 6.0 mm ²	2c x 7s / 1,04	“	28.600	
Loại 03 Lõi Đồng bọc PVC , cách điện 300v / 500v					
9	3 x 1.5 mm ²	3c x 7s / 0,52	“	12.800	
10	3 x 2.5 mm ²	3c x 7s / 0,67	“	19.300	
11	3 x 4.0 mm ²	3c x 7s / 0,85	“	28.600	
12	3 x 6.0 mm ²	3c x 7s / 1,04	“	41.300	
Loại 04 Lõi Đồng bọc PVC , cách điện 300v / 500v					
13	4c x 1.5 mm ²	4c x 7s / 0,52	“	17.100	
14	4c x 2.5 mm ²	4c x 7s / 0,67	“	25.800	
15	4c x 4.0 mm ²	4c x 7s / 0,85	“	38.300	
16	4c x 6.0 mm ²	4c x 7s / 1,04	“	55.000	
Loại 02 Lõi Đồng Dẹt bọc PVC , cách điện 300v / 500v					
17	VVCm 2 x 1.5 mm ²	2c x (1s x 30t / 0,25)	“	9.600	
18	VVCm 2 x 2.5 mm ²	2c x (1s x 50t / 0,25)	“	14.400	
19	VVCm 2 x 4.0 mm ²	2c x (1s x 82t / 0,25)	“	21.800	
20	VVCm 2 x 6.0 mm ²	2c x (1s x 122t / 0,25)	“	31.000	
Loại 03 Lõi Đồng Dẹt bọc PVC , cách điện 300v / 500v					
21	VVCm 3 x 1.5 mm ²	3c x (1s x 30t / 0,25)	“	13.600	
22	VVCm 3 x 2.5 mm ²	3c x (1s x 50t / 0,25)	“	20.300	
23	VVCm 3 x 4.0 mm ²	3c x (1s x 82t / 0,25)	“	31.000	
24	VVCm 3 x 6.0 mm ²	3c x (1s x 122t / 0,25)	“	44.600	
Loại 04 Lõi Đồng Dẹt bọc PVC , cách điện 300v / 500v					
25	VVCm 4 x 1.5	4c x (1s/ 30t / 0,25)	“	17.400	
26	VVCm 4 x 2.5	4c x (1s/ 50t / 0,25)	“	25.800	
27	VVCm 4 x 4.0	4c x (1s/ 82t / 0,25)	“	39.900	
28	VVCm 4 x 6.0	4c x (1s/ 122t / 0,25)	“	56.300	

Giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT).



CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP ĐIỆN TÀI TRƯỜNG THÀNH LONG AN
 VP Đại diện: 79/35 Đường Âu Cơ, P.14, Q.11, TP.HCM
 VP Kinh doanh: 192 Trần Đại Nghĩa, KP4, P. Tân Tạo A, Q.Bình Tân, Tp.HCM.
 ĐT: (028) 3 7565525 – 3 7565526 ; Fax : (028) 37565528
 Website : www.tttcable.com - Email: taitruongthanh@tttcable.com



Số 03/2019/BG.TTT

Ngày 10/06/2019

Cáp Điện Lực chống cháy Lõi Đồng cán ép , Cách Điện 0,6/1KV
 Sản phẩm đạt chất lượng theo TCVN

STT	QUI CÁCH	KẾT CẤU	FRCV	FRC/XLPE/PVC
			VNĐ/mét	VNĐ / mét
29	1.5 mm ²	7s / 0,52	3.800	5.000
30	2.0 mm ²	7s / 0,60	4.800	6.000
31	2.5 mm ²	7s / 0,67	5.800	7.100
32	3.5 mm ²	7s / 0,80	7.900	9.200
33	4.0 mm ²	7s / 0,85	8.900	10.300
34	5.0 mm ²	7s / 0,95	10.700	12.200
35	6.0 mm ²	7s / 1,04	12.400	13.900
36	7.0 mm ²	7s / 1,13	14.400	15.900
37	8.0 mm ²	7s / 1,20	16.000	17.600
38	10 mm ²	7s / 1,35	19.900	21.700
39	11 mm ²	7s / 1,41	21.600	23.400
40	14 mm ²	7s / 1,60	27.400	29.300
41	16 mm ²	7s / 1,70	30.500	32.400
42	22 mm ²	7s / 2,00	42.500	44.600
43	25 mm ²	7s / 2,14	48.000	50.600
44	30 mm ²	7s / 2,30	55.500	58.100
45	35 mm ²	7s / 2,52	66.000	68.600
46	38 mm ²	7s / 2,62	71.000	73.600
47	50 mm ²	19s / 1,82	93.500	96.100
48	60 mm ²	19s / 2,00	112.500	115.100
49	70 mm ²	19s / 2,14	128.000	131.100
50	75 mm ²	19s / 2,24	140.500	143.600
51	95 mm ²	19s / 2,52	176.500	180.600
52	100 mm ²	19s / 2,60	188.000	192.600
53	120 mm ²	19s / 2,82	223.500	228.100
54	150 mm ²	37s / 2,28	281.500	286.100
55	185 mm ²	37s / 2,52	343.000	348.600
56	200 mm ²	37s / 2,62	370.500	376.600
57	240 mm ²	37s / 2,87	447.000	453.100
58	250 mm ²	37s / 2,93	462.500	469.600
59	300 mm ²	37s / 3,21	556.500	563.600
60	325 mm ²	37s / 3,34	601.000	609.600
61	350 mm ²	37s / 3,47	648.000	656.600
62	400 mm ²	37s / 3,72	747.000	756.600

Giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT).



Số 03/2019/BG.TTT

Ngày 10/06/2019

Cáp Điện Lực 01 Lõi Đồng, Cách Điện 0,6/1KV

Sản phẩm đạt chất lượng theo TCVN

STT	QUI CÁCH	KẾT CẤU	CV	CVV	C/XLPE/PVC
			VND / mét	VND / mét	VND / mét
64	CV 1.0 mm ²	7s / 0,43	2.300	3.300	3.500
65	CV 1.5 mm ²	7s / 0,52	3.200	4.300	4.500
66	CV 2.0 mm ²	7s / 0,60	4.100	5.200	5.500
67	CV 2.5 mm ²	7s / 0,67	5.100	6.200	6.500
68	CV 3.5 mm ²	7s / 0,80	7.000	8.200	8.500
69	CV 4.0 mm ²	7s / 0,85	7.900	9.100	9.500
70	CV 5.0 mm ²	7s / 0,95	9.700	11.000	11.400
71	CV 6.0 mm ²	7s / 1,04	11.800	13.200	13.500
72	CV 7.0 mm ²	7s / 1,13	13.600	15.300	15.500
73	CV 8.0 mm ²	7s / 1,20	15.200	17.000	17.200
74	CV 10 mm ²	7s / 1,35	19.100	21.000	21.200
75	CV 11 mm ²	7s / 1,41	20.800	22.700	22.900
76	CV 14 mm ²	7s / 1,60	26.500	28.500	28.700
77	CV 16 mm ²	7s / 1,70	29.600	31.600	31.800
78	CV 22 mm ²	7s / 2,00	41.500	43.500	44.000
79	CV 25 mm ²	7s / 2,14	46.500	49.500	50.000
80	CV 30 mm ²	7s / 2,30	54.000	57.000	57.500
81	CV 35 mm ²	7s / 2,52	64.500	67.500	68.000
82	CV 38 mm ²	7s / 2,62	69.500	72.500	73.000
83	CV 50 mm ²	19s / 1,82	92.000	95.000	95.500
84	CV 60 mm ²	19s / 2,00	111.000	114.000	114.500
85	CV 70 mm ²	19s / 2,14	126.500	130.000	130.500
86	CV 75 mm ²	19s / 2,24	139.000	142.500	143.000
87	CV 80 mm ²	19s / 2,30	146.500	150.000	150.500
88	CV 95 mm ²	19s / 2,52	175.000	179.500	180.000
89	CV 100 mm ²	19s / 2,60	186.500	191.500	192.000
90	CV 120 mm ²	37s / 2,03	222.000	227.000	227.500
91	CV 150 mm ²	37s / 2,28	280.000	285.000	285.500
92	CV 185 mm ²	37s / 2,52	341.500	347.500	348.000
93	CV 200 mm ²	37s / 2,62	369.000	375.500	376.000
94	CV 240 mm ²	61s / 2,24	445.500	452.000	452.500
95	CV 250 mm ²	61s / 2,28	461.000	468.500	469.000
96	CV 300 mm ²	61s / 2,50	555.000	562.500	563.000
97	CV 325 mm ²	61s / 2,60	599.500	608.000	609.000
98	CV 350 mm ²	61s / 2,70	646.500	655.500	656.000
99	CV 400 mm ²	61s / 2,90	745.500	755.000	756.000
100	CV 500 mm ²	127s / 2,24	951.500	962.500	976.500
101	CV 630 mm ²	127s / 2,52	1.202.000	1.214.000	1.234.000
102	CV 800 mm ²	127s / 2,85	1.535.000	1.549.000	1.577.000
103	CV 1000 mm ²	127s / 3,17	1.898.500	1.915.000	1.950.000

Giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT).



CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP ĐIỆN TÀI TRƯỜNG THÀNH LONG AN
 VP Đại diện: 79/35 Đường Âu Cơ, P.14, Q.11, TP.HCM
 VP Kinh doanh: 192 Trần Đại Nghĩa, KP4, P. Tân Tạo A, Q.Bình Tân, Tp.HCM.
 ĐT: (028) 3 7565525 – 3 7565526 ; Fax : (028) 37565528
 Website : www.tttcable.com - Email: taitruongthanh@tttcable.com



Số 01:2018/BG.TTT

Ngày 10/06/2019

Cáp Điện Lực 02 Lõi Đồng, Cách Điện PVC, Vỏ PVC 0,6/1KV
 Sản phẩm đạt chất lượng theo TCVN

STT	QUI CÁCH	KẾT CẤU	CVV	ĐK	CVV/DSTA
			(Giáp nhôm) (Giáp thép)		
			Đơn giá: VNĐ/ mét		
104	2 x 1.0 mm ²	2c x 7s / 0,43	8.500	10.400	
105	2 x 1.5 mm ²	2c x 7s / 0,52	10.600	12.500	
106	2 x 2.0 mm ²	2c x 7s / 0,60	12.700	14.700	
107	2 x 2.5 mm ²	2c x 7s / 0,67	15.000	17.000	
108	2 x 3.5 mm ²	2c x 7s / 0,80	19.100	21.300	
109	2 x 4.0 mm ²	2c x 7s / 0,85	21.400	23.700	
110	2 x 5.0 mm ²	2c x 7s / 0,95	25.400	28.000	
111	2 x 6.0 mm ²	2c x 7s / 1,04	30.900	33.500	
112	2 x 7.0 mm ²	2c x 7s / 1,13	35.000	37.800	
113	2 x 8.0 mm ²	2c x 7s / 1,20	38.500	41.400	
114	2 x 10 mm ²	2c x 7s / 1,35	47.000	50.000	
115	2 x 11 mm ²	2c x 7s / 1,41	50.900	54.300	
116	2 x 14 mm ²	2c x 7s / 1,60	63.700	68.000	
117	2 x 16 mm ²	2c x 7s / 1,70	70.600	75.000	
118	2 x 22 mm ²	2c x 7s / 2,00	95.000	99.500	
119	2 x 25 mm ²	2c x 7s / 2,14	108.500	114.500	
120	2 x 30 mm ²	2c x 7s / 2,30	124.000	130.000	
121	2 x 35 mm ²	2c x 7s / 2,52	147.000	155.000	
122	2 x 38 mm ²	2c x 7s / 2,62	158.500	166.500	
123	2 x 50 mm ²	2c x 19s / 1,82	207.500	216.000	

Giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT).



CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP ĐIỆN TÀI TRƯỜNG THÀNH LONG AN
 VP Đại diện: 79/35 Đường Âu Cơ, P.14, Q.11, TP.HCM
 VP Kinh doanh: 192 Trần Đại Nghĩa, KP4, P. Tân Tạo A, Q.Bình Tân, Tp.HCM.
 ĐT: (028) 3 7565525 – 3 7565526 ; Fax : (028) 37565528
 Website : www.tttcable.com - Email: taitruongthanh@tttcable.com



Số 03/2019/BG.TTT

Ngày 10/06/2019

Cáp Điện Lực 03 Lõi Đồng, Cách Điện PVC, Vỏ PVC 0,6/1KV
 Sản phẩm đạt chất lượng theo TCVN

STT	QUI CÁCH	KẾT CẤU	CVV	ĐK	CVV/DSTA
			(Giáp nhôm) (Giáp thép)		
Đơn giá: VNĐ / mét					
124	3 x 1.0 mm ²	3c x 7s / 0,43	11.400	12.800	
125	3 x 1.5 mm ²	3c x 7s / 0,52	14.300	15.900	
126	3 x 2.0 mm ²	3c x 7s / 0,60	17.300	19.100	
127	3 x 2.5 mm ²	3c x 7s / 0,67	20.400	22.400	
128	3 x 3.5 mm ²	3c x 7s / 0,80	26.700	28.700	
129	3 x 4.0 mm ²	3c x 7s / 0,85	29.800	31.900	
130	3 x 5.0 mm ²	3c x 7s / 0,95	35.800	38.000	
131	3 x 6.0 mm ²	3c x 7s / 1,04	43.300	46.000	
132	3 x 7.0 mm ²	3c x 7s / 1,13	49.400	52.100	
133	3 x 8.0 mm ²	3c x 7s / 1,20	54.800	57.500	
134	3 x 10 mm ²	3c x 7s / 1,35	67.100	70.000	
135	3 x 11 mm ²	3c x 7s / 1,41	72.900	76.600	
136	3 x 14 mm ²	3c x 7s / 1,60	91.500	95.600	
137	3 x 16 mm ²	3c x 7s / 1,70	101.600	106.000	
138	3 x 22 mm ²	3c x 7s / 2,00	137.500	142.000	
139	3 x 25 mm ²	3c x 7s / 2,14	157.500	163.000	
140	3 x 30 mm ²	3c x 7s / 2,30	180.000	187.000	
141	3 x 35 mm ²	3c x 7s / 2,52	213.500	221.000	
142	3 x 38 mm ²	3c x 7s / 2,62	230.000	238.000	
143	3 x 50 mm ²	3c x 19s / 1,82	302.000	310.500	
144	3 x 60 mm ²	3c x 19s / 2,00	367.500	377.500	
145	3 x 70 mm ²	3c x 19s / 2,14	419.000	432.500	
146	3 x 75 mm ²	3c x 19s / 2,24	458.000	472.000	
147	3 x 95 mm ²	3c x 19s / 2,52	575.500	590.500	
148	3 x 100 mm ²	3c x 19s / 2,60	612.000	627.000	
149	3 x 120 mm ²	3c x 37s / 2,03	726.500	742.500	
150	3 x 150 mm ²	3c x 37s / 2,28	913.500	931.500	
151	3 x 185 mm ²	3c x 37s / 2,52	1.106.500	1.125.000	
152	3 x 200 mm ²	3c x 37s / 2,62	1.195.500	1.216.000	
153	3 x 240 mm ²	3c x 61s / 2,24	1.441.500	1.461.500	
154	3 x 250 mm ²	3c x 61s / 2,28	1.491.000	1.512.000	
155	3 x 300 mm ²	3c x 61s / 2,50	1.791.500	1.814.000	
156	3 x 350 mm ²	3c x 61s / 2,70	2.086.500	2.111.500	
157	3 x 400 mm ²	3c x 61s / 2,90	2.403.500	2.430.000	

Giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT).



CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP ĐIỆN TÀI TRƯỜNG THÀNH LONG AN
 VP Đại diện: 79/35 Đường Âu Cơ, P.14, Q.11, TP.HCM
 VP Kinh doanh: 192 Trần Đại Nghĩa, KP4, P. Tân Tạo A, Q.Bình Tân, Tp.HCM.
 ĐT: (028) 3 7565525 – 3 7565526 ; Fax : (028) 37565528
 Website : www.tttcable.com - Email: taitruongthanh@tttcable.com



Số 03/2019/BG.TTT

Ngày 10/06/2019

Cáp Điện Lực (3+1) Lõi Đồng, Cách Điện PVC, Vỏ PVC 0,6/1KV

STT	QUI CÁCH	KẾT CẤU	CVV	ĐK	CVV/DSTA
			(Giáp nhôm) (Giáp thép)		
			Đơn giá: VNĐ / mét		
158	3 x 1.5 + 1 x 1.0	3 x 7/0,52 + 7/0,43	17.200	19.000	
159	3 x 2.0 + 1 x 1.0	3 x 7/0,60 + 7/0,43	20.000	22.000	
160	3 x 2.5 + 1 x 1.5	3 x 7/0,67 + 7/0,52	24.200	26.200	
161	3 x 3.5 + 1 x 1.5	3 x 7/0,80 + 7/0,52	30.200	32.400	
162	3 x 4.0 + 1 x 2.5	3 x 7/0,85 + 7/0,67	35.500	37.900	
163	3 x 5.0 + 1 x 2.5	3 x 7/0,95 + 7/0,67	41.200	43.800	
164	3 x 6.0 + 1 x 4.0	3 x 7/1,04 + 7/0,85	52.300	55.100	
165	3 x 7.0 + 1 x 4.0	3 x 7/1,13 + 7/0,85	58.200	61.200	
166	3 x 8.0 + 1 x 4.0	3 x 7/1,20 + 7/0,85	63.300	66.300	
167	3 x 10 + 1 x 6.0	3 x 7/1,35 + 7/1,04	79.500	83.500	
168	3 x 11 + 1 x 6.0	3 x 7/1,41 + 7/1,04	85.000	89.000	
169	3 x 14 + 1 x 8.0	3 x 7/1,60 + 7/1,20	107.000	111.500	
170	3 x 16 + 1 x 8.0	3 x 7/1,70 + 7/1,20	117.500	122.500	
171	3 x 16 + 1 x 10	3 x 7/1,70 + 7/1,35	122.500	127.500	
172	3 x 22 + 1 x 11	3 x 7/2,00 + 7/1,41	159.000	165.000	
173	3 x 25 + 1 x 11	3 x 7/2,14 + 7/1,41	177.000	183.500	
174	3 x 25 + 1 x 16	3 x 7/2,14 + 7/1,70	189.000	196.500	
175	3 x 30 + 1 x 14	3 x 7/2,30 + 7/1,60	208.500	216.000	
176	3 x 35 + 1 x 14	3 x 7/2,52 + 7/1,60	240.500	249.000	
177	3 x 35 + 1 x 16	3 x 7/2,52 + 7/1,70	244.500	252.500	
178	3 x 38 + 1 x 16	3 x 7/2,62 + 7/1,70	261.000	269.500	
179	3 x 50 + 1 x 25	3 x 19/1,82 + 7/2,14	348.000	358.000	
180	3 x 50 + 1 x 35	3 x 19/1,82 + 7/2,52	367.500	377.500	
181	3 x 70 + 1 x 35	3 x 19/2,14 + 7/2,52	476.000	490.000	
182	3 x 70 + 1 x 50	3 x 19/2,14 + 19/1,82	505.500	520.500	
183	3 x 75 + 1 x 35	3 x 19/2,24 + 7/2,52	513.500	528.000	
184	3 x 95 + 1 x 50	3 x 19/2,52 + 19/1,82	656.500	691.500	
185	3 x 95 + 1 x 70	3 x 19/2,52 + 19/2,14	694.000	729.500	
186	3 x 100 + 1 x 50	3 x 19/2,60 + 19/1,82	691.000	726.500	
187	3 x 120 + 1 x 60	3 x 37/2,03 + 19/2,00	824.500	860.000	
188	3 x 120 + 1 x 70	3 x 37/2,03 + 19/2,14	842.000	877.500	
189	3 x 150 + 1 x 70	3 x 37/2,28 + 19/2,14	1.023.000	1.058.500	
190	3 x 150 + 1 x 95	3 x 37/2,28 + 19/2,52	1.077.000	1.112.500	
191	3 x 185 + 1 x 95	3 x 37/2,52 + 19/2,52	1.264.000	1.299.500	
192	3 x 200 + 1 x 95	3 x 37/2,62 + 19/2,52	1.357.500	1.393.000	
193	3 x 240 + 1 x 120	3 x 61/2,24 + 37/2,03	1.647.500	1.684.000	
194	3 x 250 + 1 x 120	3 x 61/2,28 + 37/2,03	1.696.500	1.733.500	
195	3 x 300 + 1 x 150	3 x 61/2,50 + 37/2,28	2.043.500	2.082.000	
196	3 x 350 + 1 x 185	3 x 61/2,70 + 37/2,52	2.406.000	2.446.000	
197	3 x 400 + 1 x 200	3 x 61/2,90 + 37/2,62	2.732.000	2.773.000	



CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP ĐIỆN TÀI TRƯỜNG THÀNH LONG AN
 VP Đại diện: 79/35 Đường Âu Cơ, P.14, Q.11, TP.HCM
 VP Kinh doanh: 192 Trần Đại Nghĩa, KP4, P. Tân Tạo A, Q.Bình Tân, Tp.HCM.
 ĐT: (028) 3 7565525 – 3 7565526 ; Fax : (028) 37565528
 Website : www.tttcable.com - Email: taitruongthanh@tttcable.com



Số 03/2019/BG.TTT

Ngày 10/06/2019

Cáp Điện Lực 4 Lõi Đồng(bằng nhau), Cách Điện PVC, Vỏ PVC 0,6/1KV
 Sản phẩm đạt chất lượng theo TCVN

STT	QUI CÁCH	KẾT CẤU	CVV	ĐK	CVV/DSTA
			(Giáp nhôm) (Giáp thép)		
Đơn giá:VNĐ / mét					
198	4c x 1.0 mm ²	4c x 7s/0,43	14.400	16.000	
199	4c x 1.5 mm ²	4c x 7s/0,52	18.200	20.100	
200	4c x 2.0 mm ²	4c x 7s/0,60	22.200	24.200	
201	4c x 2.5 mm ²	4c x 7s/0,67	26.300	28.700	
202	4c x 3.5 mm ²	4c x 7s/0,80	34.800	37.200	
203	4c x 4.0 mm ²	4c x 7s/0,85	38.700	41.200	
204	4c x 5.0 mm ²	4c x 7s/0,95	46.400	49.000	
205	4c x 6.0 mm ²	4c x 7s/1,04	56.400	59.500	
206	4c x 7.0 mm ²	4c x 7s/1,13	64.600	67.700	
207	4c x 8.0 mm ²	4c x 7s/1,20	71.600	75.400	
208	4c x 10 mm ²	4c x 7s/1,35	87.500	91.500	
209	4c x 11 mm ²	4c x 7s/1,41	95.000	99.000	
210	4c x 14 mm ²	4c x 7s/1,60	120.000	124.500	
211	4c x 16 mm ²	4c x 7s/1,70	134.500	139.000	
212	4c x 22 mm ²	4c x 7s/2,00	182.500	190.000	
213	4c x 25 mm ²	4c x 7s/2,14	208.000	215.500	
214	4c x 30 mm ²	4c x 7s/2,30	238.500	246.500	
215	4c x 35 mm ²	4c x 7s/2,52	283.000	291.500	
216	4c x 38 mm ²	4c x 7s/2,62	305.000	314.500	
217	4c x 50 mm ²	4c x 19s/1,82	397.000	410.500	
218	4c x 60 mm ²	4c x 19s/2,00	483.500	536.500	
219	4c x 70 mm ²	4c x 19s/2,14	551.000	594.000	
220	4c x 75 mm ²	4c x 19s/2,24	602.000	645.000	
221	4c x 95 mm ²	4c x 19s/2,52	757.000	800.000	
222	4c x 100 mm ²	4c x 19s/2,60	808.000	851.000	
223	4c x 120 mm ²	4c x 37s/2,03	959.000	1.002.000	
224	4c x 150 mm ²	4c x 37s/2,28	1.207.500	1.250.500	
225	4c x 185 mm ²	4c x 37s/2,52	1.470.000	1.513.000	
226	4c x 200 mm ²	4c x 37s/2,62	1.590.000	1.633.000	
227	4c x 240 mm ²	4c x 61s/2,24	1.914.500	1.957.500	
228	4c x 250 mm ²	4c x 61s/2,28	1.982.000	2.025.000	
229	4c x 300 mm ²	4c x 61s/2,50	2.371.000	2.414.000	
230	4c x 350 mm ²	4c x 91s/2,22	2.801.000	2.844.000	
231	4c x 400 mm ²	4c x 127s/2,00	3.178.000	3.221.000	

Giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT).



CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP ĐIỆN TÀI TRƯỜNG THÀNH LONG AN
 VP Đại diện: 79/35 Đường Âu Cơ, P.14, Q.11, TP.HCM
 VP Kinh doanh: 192 Trần Đại Nghĩa, KP4, P. Tân Tạo A, Q.Bình Tân, Tp.HCM.
 ĐT: (028) 3 7565525 – 3 7565526 ; Fax : (028) 37565528
 Website : www.tttcable.com - Email: taitruongthanh@tttcable.com



Số 03/2019/BG.TTT

Ngày 10/06/2019

Cáp Điện Lực 02 Lõi Đồng, Cách Điện XLPE, Vỏ PVC 0,6/1KV
 Sản phẩm đạt chất lượng theo TCVN

STT	QUI CÁCH	KẾT CẤU	C/XLPE/PVC	C/XLPE/DATA/PVC (Giáp nhôm)	C/XLPE/DSTA/PVC (Giáp thép)
			Đơn giá: VNĐ/ mét		
232	2 x 1.0 mm ²	2c x 7s / 0,43	8.800	10.700	
233	2 x 1.5 mm ²	2c x 7s / 0,52	10.900	12.800	
234	2 x 2.0 mm ²	2c x 7s / 0,60	13.000	15.000	
235	2 x 2.5 mm ²	2c x 7s / 0,67	15.300	17.300	
236	2 x 3.5 mm ²	2c x 7s / 0,80	19.400	21.600	
237	2 x 4.0 mm ²	2c x 7s / 0,85	21.700	24.000	
238	2 x 5.0 mm ²	2c x 7s / 0,95	25.900	28.500	
239	2 x 6.0 mm ²	2c x 7s / 1,04	31.400	34.000	37.600
240	2 x 7.0 mm ²	2c x 7s / 1,13	35.500	38.300	41.900
241	2 x 8.0 mm ²	2c x 7s / 1,20	39.000	41.900	45.500
242	2 x 10 mm ²	2c x 7s / 1,35	47.500	50.500	54.100
243	2 x 11 mm ²	2c x 7s / 1,41	51.400	54.800	58.400
244	2 x 14 mm ²	2c x 7s / 1,60	64.200	68.500	72.200
245	2 x 16 mm ²	2c x 7s / 1,70	71.100	75.500	79.200
246	2 x 22 mm ²	2c x 7s / 2,00	95.500	100.000	103.500
247	2 x 25 mm ²	2c x 7s / 2,14	109.000	115.000	119.000
248	2 x 30 mm ²	2c x 7s / 2,30	124.500	130.500	134.500
249	2 x 35 mm ²	2c x 7s / 2,52	147.500	155.500	159.500
250	2 x 38 mm ²	2c x 7s / 2,62	159.000	167.000	171.000
251	2 x 50 mm ²	2c x 19s / 1,82	208.000	216.500	220.500

Giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT).



CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP ĐIỆN TÀI TRƯỜNG THÀNH LONG AN
 VP Đại diện: 79/35 Đường Âu Cơ, P.14, Q.11, TP.HCM
 VP Kinh doanh: 192 Trần Đại Nghĩa, KP4, P. Tân Tạo A, Q.Bình Tân, Tp.HCM.
 ĐT: (028) 3 7565525 – 3 7565526 ; Fax : (028) 37565528
 Website : www.tttcable.com - Email: taitruongthanh@tttcable.com



Số 03/2019/BG.TTT

Ngày 10/06/2019

Cáp Điện Lực 03 Lõi Đồng, Cách Điện XLPE, Vỏ PVC 0,6/1KV

Sản phẩm đạt chất lượng theo TCVN

STT	QUI CÁCH	KẾT CẤU	C/XLPE/PVC	C/XLPE/DATA/PVC (Giáp nhôm)	C/XLPE/DSTA/PVC (Giáp thép)
			Đơn giá: VNĐ / mét		
252	3 x 1.0 mm ²	3c x 7s / 0,43	11.900	13.300	
253	3 x 1.5 mm ²	3c x 7s / 0,52	14.800	16.400	
254	3 x 2.0 mm ²	3c x 7s / 0,60	17.800	19.600	
255	3 x 2.5 mm ²	3c x 7s / 0,67	20.900	22.900	
256	3 x 3.5 mm ²	3c x 7s / 0,80	27.200	29.200	
257	3 x 4.0 mm ²	3c x 7s / 0,85	30.300	32.400	
258	3 x 5.0 mm ²	3c x 7s / 0,95	36.500	38.700	
259	3 x 6.0 mm ²	3c x 7s / 1,04	44.100	46.700	50.600
260	3 x 7.0 mm ²	3c x 7s / 1,13	50.100	52.800	56.700
261	3 x 8.0 mm ²	3c x 7s / 1,20	55.500	58.200	62.100
262	3 x 10 mm ²	3c x 7s / 1,35	67.800	70.700	74.600
263	3 x 11 mm ²	3c x 7s / 1,41	73.600	77.300	81.200
264	3 x 14 mm ²	3c x 7s / 1,60	92.200	96.300	100.200
265	3 x 16 mm ²	3c x 7s / 1,70	102.300	106.700	110.600
266	3 x 22 mm ²	3c x 7s / 2,00	138.000	142.500	146.500
267	3 x 25 mm ²	3c x 7s / 2,14	158.000	163.500	167.500
268	3 x 30 mm ²	3c x 7s / 2,30	181.000	187.500	192.000
269	3 x 35 mm ²	3c x 7s / 2,52	214.000	221.500	225.500
270	3 x 38 mm ²	3c x 7s / 2,62	231.000	239.000	243.000
271	3 x 50 mm ²	3c x 19s / 1,82	302.500	311.500	316.000
272	3 x 60 mm ²	3c x 19s / 2,00	368.000	378.000	382.500
273	3 x 70 mm ²	3c x 19s / 2,14	419.500	433.000	452.000
274	3 x 75 mm ²	3c x 19s / 2,24	458.500	472.500	492.000
275	3 x 95 mm ²	3c x 19s / 2,52	576.000	591.000	613.000
276	3 x 100 mm ²	3c x 19s / 2,60	612.500	627.500	649.500
277	3 x 120 mm ²	3c x 37s / 2,03	727.000	743.000	767.500
278	3 x 150 mm ²	3c x 37s / 2,28	914.000	932.500	958.500
279	3 x 185 mm ²	3c x 37s / 2,52	1.107.000	1.126.000	1.154.500
280	3 x 200 mm ²	3c x 37s / 2,62	1.196.500	1.216.500	1.246.500
281	3 x 240 mm ²	3c x 61s / 2,24	1.442.000	1.462.500	1.495.000
282	3 x 250 mm ²	3c x 61s / 2,28	1.491.500	1.512.500	1.545.000
283	3 x 300 mm ²	3c x 61s / 2,50	1.792.500	1.815.000	1.851.000
284	3 x 350 mm ²	3c x 61s / 2,70	2.087.000	2.112.000	2.150.000
285	3 x 400 mm ²	3c x 61s / 2,90	2.404.500	2.431.000	2.471.500

Giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT).



CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP ĐIỆN TÀI TRƯỜNG THÀNH LONG AN
 VP Đại diện: 79/35 Đường Âu Cơ, P.14, Q.11, TP.HCM
 VP Kinh doanh: 192 Trần Đại Nghĩa, KP4, P. Tân Tạo A, Q.Bình Tân, Tp.HCM.
 ĐT: (028) 3 7565525 – 3 7565526 ; Fax : (028) 37565528
 Website : www.tttcable.com - Email: taitruongthanh@tttcable.com



Số 03/2019/BG.TTT

Ngày 10/06/2019

Cáp Điện Lực (3+ 1) Lõi Đồng, Cách Điện XLPE, Vỏ PVC 0,6/1KV
 Sản phẩm đạt chất lượng theo TCVN

STT	QUI CÁCH	KẾT CẤU	C/XLPE/PVC	C/XLPE/DATA/PVC (Giáp nhôm)	C/XLPE/DSTA/PVC (Giáp thép)
			Đơn giá: VNĐ / mét		
286	3 x 1.5 + 1 x 1.0	3 x 7/0,52 + 7/0,43	17.700	19.500	
287	3 x 2.0 + 1 x 1.0	3 x 7/0,60 + 7/0,43	20.500	22.500	
288	3 x 2.5 + 1 x 1.5	3 x 7/0,67 + 7/0,52	24.700	26.800	
289	3 x 3.5 + 1 x 1.5	3 x 7/0,80 + 7/0,52	30.700	32.900	
290	3 x 4.0 + 1 x 2.5	3 x 7/0,85 + 7/0,67	36.000	38.400	
291	3 x 5.0 + 1 x 2.5	3 x 7/0,95 + 7/0,67	41.700	44.300	
292	3 x 6.0 + 1 x 4.0	3 x 7/1,04 + 7/0,85	52.800	55.600	57.800
293	3 x 7.0 + 1 x 4.0	3 x 7/1,13 + 7/0,85	58.700	61.700	64.000
294	3 x 8.0 + 1 x 4.0	3 x 7/1,20 + 7/0,85	63.800	66.800	69.100
295	3 x 10 + 1 x 6.0	3 x 7/1,35 + 7/1,04	80.000	84.000	86.500
296	3 x 11 + 1 x 6.0	3 x 7/1,41 + 7/1,04	85.500	89.500	92.500
297	3 x 14 + 1 x 8.0	3 x 7/1,60 + 7/1,20	107.500	112.000	114.000
298	3 x 16 + 1 x 8.0	3 x 7/1,70 + 7/1,20	118.000	123.000	125.500
299	3 x 16 + 1 x 10	3 x 7/1,70 + 7/1,35	123.000	128.000	130.500
300	3 x 22 + 1 x 11	3 x 7/2,00 + 7/1,41	159.500	165.500	168.500
301	3 x 25 + 1 x 11	3 x 7/2,14 + 7/1,41	177.500	184.000	186.500
302	3 x 25 + 1 x 16	3 x 7/2,14 + 7/1,70	190.000	197.000	199.500
303	3 x 30 + 1 x 14	3 x 7/2,30 + 7/1,60	209.000	216.500	219.000
304	3 x 35 + 1 x 14	3 x 7/2,52 + 7/1,60	241.500	249.500	252.000
305	3 x 35 + 1 x 16	3 x 7/2,52 + 7/1,70	245.000	253.000	256.000
306	3 x 38 + 1 x 16	3 x 7/2,62 + 7/1,70	261.500	270.500	273.000
307	3 x 50 + 1 x 25	3 x 19/1,82 + 7/2,14	349.000	358.500	361.500
308	3 x 50 + 1 x 35	3 x 19/1,82 + 7/2,52	368.000	378.500	381.000
309	3 x 70 + 1 x 35	3 x 19/2,14 + 7/2,52	477.000	491.000	507.000
310	3 x 70 + 1 x 50	3 x 19/2,14 + 19/1,82	506.500	521.500	538.000
311	3 x 75 + 1 x 35	3 x 19/2,24 + 7/2,52	514.500	529.000	546.000
312	3 x 95 + 1 x 50	3 x 19/2,52 + 19/1,82	657.500	692.500	709.500
313	3 x 95 + 1 x 70	3 x 19/2,52 + 19/2,14	695.000	730.500	747.500
314	3 x 100 + 1 x 50	3 x 19/2,60 + 19/1,82	692.000	727.500	744.500
315	3 x 120 + 1 x 60	3 x 37/2,03 + 19/2,00	825.500	861.000	878.000
316	3 x 120 + 1 x 70	3 x 37/2,03 + 19/2,14	843.000	878.500	895.500
317	3 x 150 + 1 x 70	3 x 37/2,28 + 19/2,14	1.024.500	1.060.000	1.077.000
318	3 x 150 + 1 x 95	3 x 37/2,28 + 19/2,52	1.078.500	1.114.000	1.131.000
319	3 x 185 + 1 x 95	3 x 37/2,52 + 19/2,52	1.265.500	1.301.000	1.318.500
320	3 x 200 + 1 x 95	3 x 37/2,62 + 19/2,52	1.359.000	1.394.500	1.411.500
321	3 x 240 + 1 x 120	3 x 61/2,24 + 37/2,03	1.649.000	1.685.500	1.702.500
322	3 x 250 + 1 x 120	3 x 61/2,28 + 37/2,03	1.698.000	1.735.000	1.753.500
323	3 x 300 + 1 x 150	3 x 61/2,50 + 37/2,28	2.045.500	2.084.000	2.102.500
324	3 x 350 + 1 x 185	3 x 61/2,70 + 37/2,52	2.408.000	2.448.000	2.466.500
325	3 x 400 + 1 x 200	3 x 61/2,90 + 37/2,62	2.734.000	2.775.000	2.819.500

Giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT).



CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP ĐIỆN TÀI TRƯỜNG THÀNH LONG AN
 VP Đại diện: 79/35 Đường Âu Cơ, P.14, Q.11, TP.HCM
 VP Kinh doanh: 192 Trần Đại Nghĩa, KP4, P. Tân Tạo A, Q.Bình Tân, Tp.HCM.
 ĐT: (028) 3 7565525 – 3 7565526 ; Fax : (028) 37565528
 Website : www.tttcable.com - Email: taitruongthanh@tttcable.com



Số 03/2019/BG.TTT

Ngày 10/06/2019

Cáp Điện Lực 4 Lõi Đồng(bằng nhau), Cách Điện XLPE, Vỏ PVC 0,6/1KV
 Sản phẩm đạt chất lượng theo TCVN

STT	QUI CÁCH	KẾT CẤU	C/XLPE/PVC	C/XLPE/DATA/PVC (Giáp nhôm)	C/XLPE/DSTA/PVC (Giáp thép)
			Đơn giá: VND / mét		
326	4c x 1.0 mm ²	4c x 7s/0,43	14.900	16.500	
327	4c x 1.5 mm ²	4c x 7s/0,52	18.700	20.600	
328	4c x 2.0 mm ²	4c x 7s/0,60	22.700	24.700	
329	4c x 2.5 mm ²	4c x 7s/0,67	26.800	29.200	
330	4c x 3.5 mm ²	4c x 7s/0,80	35.300	37.700	
331	4c x 4.0 mm ²	4c x 7s/0,85	39.200	41.700	
332	4c x 5.0 mm ²	4c x 7s/0,95	47.000	49.500	
333	4c x 6.0 mm ²	4c x 7s/1,04	57.000	60.000	62.300
334	4c x 7.0 mm ²	4c x 7s/1,13	65.100	68.200	70.500
335	4c x 8.0 mm ²	4c x 7s/1,20	72.100	75.900	78.200
336	4c x 10 mm ²	4c x 7s/1,35	88.000	92.000	94.500
337	4c x 11 mm ²	4c x 7s/1,41	95.500	99.500	102.000
338	4c x 14 mm ²	4c x 7s/1,60	120.500	125.000	127.500
339	4c x 16 mm ²	4c x 7s/1,70	135.000	139.500	142.000
340	4c x 22 mm ²	4c x 7s/2,00	183.000	190.500	193.000
341	4c x 25 mm ²	4c x 7s/2,14	208.500	216.000	218.500
342	4c x 30 mm ²	4c x 7s/2,30	239.000	247.500	250.000
343	4c x 35 mm ²	4c x 7s/2,52	283.500	292.000	294.500
344	4c x 38 mm ²	4c x 7s/2,62	306.000	315.000	317.500
345	4c x 50 mm ²	4c x 19s/1,82	398.000	411.000	413.500
346	4c x 60 mm ²	4c x 19s/2,00	484.000	538.000	555.000
347	4c x 70 mm ²	4c x 19s/2,14	551.500	594.500	611.500
348	4c x 75 mm ²	4c x 19s/2,24	603.000	645.500	663.000
349	4c x 95 mm ²	4c x 19s/2,52	757.500	800.500	818.000
350	4c x100 mm ²	4c x 19s/2,60	809.000	851.500	869.000
351	4c x120 mm ²	4c x 37s/2,03	959.500	1.002.500	1.019.500
352	4c x150 mm ²	4c x 37s/2,28	1.208.500	1.251.000	1.268.500
353	4c x185 mm ²	4c x 37s/2,52	1.471.500	1.513.500	1.531.000
354	4c x200 mm ²	4c x 37s/2,62	1.591.000	1.633.500	1.650.500
355	4c x240 mm ²	4c x 61s/2,24	1.916.000	1.958.000	1.975.500
356	4c x250 mm ²	4c x 61s/2,28	1.983.500	2.025.500	2.043.000
357	4c x300 mm ²	4c x 61s/2,50	2.373.000	2.414.500	2.431.500
358	4c x350 mm ²	4c x 91s/2,22	2.803.000	2.844.500	2.888.000
359	4c x400 mm ²	4c x 127s/2,00	3.179.000	3.221.500	3.265.000

Giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT).



CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP ĐIỆN TÀI TRƯỜNG THÀNH LONG AN
 VP Đại diện: 79/35 Đường Âu Cơ, P.14, Q.11, TP.HCM
 VP Kinh doanh: 192 Trần Đại Nghĩa, KP4, P. Tân Tạo A, Q.Bình Tân, Tp.HCM.
 ĐT: (028) 3 7565525 – 3 7565526 ; Fax : (028) 37565528
 Website : www.tttcable.com - Email: taitruongthanh@tttcable.com



Số 03/2019/BG.TTT

Ngày 10/06/2019

Dây & Cáp Điện Lực Lõi Đồng, Cách Điện PVC 0,6/1KV
 Sản phẩm đạt chất lượng theo TCVN

STT	QUI CÁCH	KẾT CẤU	ĐVT	ĐƠN GIÁ	GHI CHÚ
Cáp Duplex (Cáp 2 lõi đồng)					
360	Duplex 6.0 mm ²	2c x 7s / 1,04	Đồng/mét	23.800	
361	Duplex 7.0 mm ²	2c x 7s / 1,13	"	27.600	
362	Duplex 8.0 mm ²	2c x 7s / 1,20	"	30.800	
363	Duplex 10 mm ²	2c x 7s / 1,35	"	38.500	
364	Duplex 11 mm ²	2c x 7s / 1,41	"	41.900	
365	Duplex 14 mm ²	2c x 7s / 1,60	"	53.500	
366	Duplex 16 mm ²	2c x 7s / 1,70	"	59.600	
367	Duplex 22 mm ²	2c x 7s / 2,00	"	81.700	
368	Duplex 25 mm ²	2c x 7s / 2,14	"	93.500	
Cáp Triplex (Cáp 3 lõi đồng)					
369	Trilex 6.0 mm ²	3c x 7s / 1,04	Đồng/mét	35.700	
370	Trilex 7.0 mm ²	3c x 7s / 1,13	"	41.200	
371	Trilex 8.0 mm ²	3c x 7s / 1,20	"	46.200	
372	Trilex 10 mm ²	3c x 7s / 1,35	"	57.700	
373	Trilex 11 mm ²	3c x 7s / 1,41	"	62.800	
374	Trilex 14 mm ²	3c x 7s / 1,60	"	80.100	
375	Trilex 16 mm ²	3c x 7s / 1,70	"	89.400	
376	Trilex 22 mm ²	3c x 7s / 2,00	"	122.300	
377	Trilex 25 mm ²	3c x 7s / 2,14	"	140.300	
Cáp Quadruplex (Cáp 4 lõi đồng)					
378	Quaplex 6.0 mm ²	4c x 7s / 1,04	Đồng/mét	48.100	
379	Quaplex 7.0 mm ²	4c x 7s / 1,13	"	54.900	
380	Quaplex 8.0 mm ²	4c x 7s / 1,20	"	61.400	
381	Quaplex 10 mm ²	4c x 7s / 1,35	"	76.800	
382	Quaplex 11 mm ²	4c x 7s / 1,41	"	83.700	
383	Quaplex 14 mm ²	4c x 7s / 1,60	"	106.700	
384	Quaplex 16 mm ²	4c x 7s / 1,70	"	119.000	
385	Quaplex 22 mm ²	4c x 7s / 2,00	"	162.900	
386	Quaplex 25 mm ²	4c x 7s / 2,14	"	187.100	
Cáp Hàn (Wilding Cable)					
387	Cáp hàn 25 mm ²	7 x 73s / 0,25	Đồng/mét	51.000	
388	Cáp hàn 35 mm ²	7 x 102s / 0,25	"	70.500	
389	Cáp hàn 50 mm ²	7 x 144s / 0,25	"	98.500	
390	Cáp hàn 70 mm ²	19 x 73s / 0,25	"	135.000	
391	Cáp hàn 75 mm ²	19 x 81s / 0,25	"	149.000	
392	Cáp hàn 95 mm ²	19 x 102s / 0,25	"	186.500	

Giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT).



CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP ĐIỆN TÀI TRƯỜNG THÀNH LONG AN
 VP Đại diện: 79/35 Đường Âu Cơ, P.14, Q.11, TP.HCM
 VP Kinh doanh: 192 Trần Đại Nghĩa, KP4, P. Tân Tạo A, Q.Bình Tân, Tp.HCM.
 ĐT: (028) 3 7565525 – 3 7565526 ; Fax : (028) 37565528
 Website : www.tttcable.com - Email: taitruongthanh@tttcable.com



Số 03/2019/BG.TTT

Ngày 10/06/2019

Dây & Cáp Pha Lõi Đồng Mềm, Cách Điện PVC 0,6/1KV
 Sản phẩm đạt chất lượng theo TCVN

STT	QUI CÁCH	KẾT CẤU	ĐVT	ĐƠN GIÁ	GHI CHÚ
Loại 01 Lõi Đồng Mềm bọc PVC					
393	0.5 mm ²	1s x 12t / 0,25	Đồng/mét	1.400	
394	0.75 mm ²	1s x 15t / 0,25	“	1.700	
395	1.0 mm ²	1s x 20t / 0,25	“	2.200	
396	1.5 mm ²	1s x 30t / 0,25	“	3.200	
397	2.0 mm ²	1s x 40t / 0,25	“	4.000	
398	2.5 mm ²	1s x 50t / 0,25	“	4.900	
399	3.5 mm ²	1s x 72t / 0,25	“	7.100	
400	4.0 mm ²	1s x 82t / 0,25	“	8.100	
401	6.0 mm ²	1s x 122t / 0,25	“	11.800	
402	8.0 mm ²	1s x 162t / 0,25	“	17.000	
403	10 mm ²	7s x 30t / 0,25	“	20.000	
404	16 mm ²	7s x 47t / 0,25	“	31.000	
405	25 mm ²	7s x 73t / 0,25	“	49.000	
406	35 mm ²	7s x 102t / 0,25	“	68.000	
407	50 mm ²	7s x 144t / 0,25	“	96.000	
408	70 mm ²	19s x 73t / 0,25	“	132.000	
409	95 mm ²	19s x 102t / 0,25	“	185.000	
Loại 02 Lõi Đồng Mềm bọc PVC					
410	VVCm 2 x 0.5 mm ²	2c x (1s x 12t / 0,25)	Đồng/mét	6.500	Vỏ màu xám
411	VVCm 2 x 0.75 mm ²	2c x (1s x 15t / 0,25)	“	7.100	“
412	VVCm 2 x 1.0 mm ²	2c x (1s x 20t / 0,25)	“	8.300	“
413	VVCm 2 x 1.5 mm ²	2c x (1s x 30t / 0,25)	“	10.600	“
414	VVCm 2 x 2.0 mm ²	2c x (1s x 40t / 0,25)	“	12.700	“
415	VVCm 2 x 2.5 mm ²	2c x (1s x 50t / 0,25)	“	14.800	“
416	VVCm 2 x 3.5 mm ²	2c x (1s x 72t / 0,25)	“	20.300	“
417	VVCm 2 x 4.0 mm ²	2c x (1s x 82t / 0,25)	“	22.800	“
418	VVCm 2 x 6.0 mm ²	2c x (1s x 122t / 0,25)	“	32.000	“
419	VVCm 2 x 8.0 mm ²	2c x (1s x 162t / 0,25)	“	41.500	Vỏ màu đen
420	VVCm 2 x 10 mm ²	2c x (7s x 30t / 0,25)	“	52.000	“
421	VVCm 2 x 16 mm ²	2c x (7s x 47t / 0,25)	“	77.000	“
422	VVCm 2 x 25 mm ²	2c x (7s x 73t / 0,25)	“	118.000	“
423	VVCm 2 x 35 mm ²	2c x (7s x 102t / 0,25)	“	159.000	“
424	VVCm 2 x 50 mm ²	2c x (7s x 144t / 0,25)	“	222.500	“
425	VVCm 2 x 70 mm ²	2c x (19s x 73t / 0,25)	“	304.500	“

Giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT).



CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP ĐIỆN TÀI TRƯỜNG THÀNH LONG AN
 VP Đại diện: 79/35 Đường Âu Cơ, P.14, Q.11, TP.HCM
 VP Kinh doanh: 192 Trần Đại Nghĩa, KP4, P. Tân Tạo A, Q.Bình Tân, Tp.HCM.
 ĐT: (028) 3 7565525 – 3 7565526 ; Fax : (028) 37565528
 Website : www.tttcable.com - Email: taitruongthanh@tttcable.com



Số 03/2019/BG.TTT

Ngày 10/06/2019

Dây & Cáp Pha Lõi Đồng Mềm, Cách Điện PVC 0,6/1KV
 Sản phẩm đạt chất lượng theo TCVN

STT	QUI CÁCH	KẾT CẤU	DVT	ĐƠN GIÁ	GHI CHÚ
Loại 03 Lõi Đồng Mềm bọc PVC					
426	VVCm 3 x 0.5 mm ²	3c x (1s x 12t / 0,25)	Đồng/m	8.600	Vỏ màu xám
427	VVCm 3 x 0.75 mm ²	3c x (1s x 15t / 0,25)	"	9.600	"
428	VVCm 3 x 1.0 mm ²	3c x (1s x 20t / 0,25)	"	11.300	"
429	VVCm 3 x 1.5 mm ²	3c x (1s x 30t / 0,25)	"	14.600	"
430	VVCm 3 x 2.0 mm ²	3c x (1s x 40t / 0,25)	"	17.600	"
431	VVCm 3 x 2.5 mm ²	3c x (1s x 50t / 0,25)	"	21.000	"
432	VVCm 3 x 3.5 mm ²	3c x (1s x 72t / 0,25)	"	28.500	"
433	VVCm 3 x 4.0 mm ²	3c x (1s x 82t / 0,25)	"	31.700	"
434	VVCm 3 x 6.0 mm ²	3c x (1s x 122t / 0,25)	"	44.800	"
435	VVCm 3 x 8.0 mm ²	3c x (1s x 162t / 0,25)	"	58.000	Vỏ màu đen
436	VVCm 3 x 10 mm ²	3c x (7s x 30t / 0,25)	"	73.500	"
437	VVCm 3 x 16 mm ²	3c x (7s x 47t / 0,25)	"	109.500	"
438	VVCm 3 x 25 mm ²	3c x (7s x 73t / 0,25)	"	167.500	"
439	VVCm 3 x 35 mm ²	3c x (7s x 102t / 0,25)	"	227.500	"
440	VVCm 3 x 50 mm ²	3c x (7s x 144t / 0,25)	"	318.500	"
441	VVCm 3 x 70 mm ²	3c x (19s x 73t / 0,25)	"	435.000	"
Loại 04 Lõi Đồng Mềm bọc PVC					
442	VVCm 3 x 1.0 + 1 x 0.5	(3c x 1s/ 20t + 1c x 1s/ 12t) 0,25	Đồng/m	13.300	Vỏ màu xám
443	VVCm 3 x 1.5 + 1 x 1.0	(3c x 1s/ 30t + 1c x 1s/ 20t) 0,25	"	17.300	"
444	VVCm 3 x 2.0 + 1 x 1.0	(3c x 1s/ 40t + 1c x 1s/ 20t) 0,25	"	20.300	"
445	VVCm 3 x 2.5 + 1 x 1.0	(3c x 1s/ 50t + 1c x 1s/ 20t) 0,25	"	23.200	"
446	VVCm 3 x 3.5 + 1 x 1.5	(3c x 1s/ 72t + 1c x 1s/ 30t) 0,25	"	31.700	"
447	VVCm 3 x 4.0 + 1 x 2.0	(3c x 1s/ 82t + 1c x 1s/ 40t) 0,25	"	36.100	"
448	VVCm 3 x 6.0 + 1 x 2.5	(3c x 1s/122t + 1c x 1s/ 50t) 0,25	"	49.200	"
449	VVCm 3 x 8.0 + 1 x 4.0	(3c x 1s/162t + 1c x 1s/ 82t) 0,25	"	66.500	"
450	VVCm 3 x 10 + 1 x 6.0	(3c x 7s/ 30t + 1c x 1s/122t) 0,25	"	85.000	Vỏ màu đen
451	VVCm 3 x 16 + 1 x 8.0	(3c x 7s/ 47t + 1c x 1s/162t) 0,25	"	124.500	"
452	VVCm 3 x 25 + 1 x 10	(3c x 7s/ 73t + 1c x 7s/ 30t) 0,25	"	187.500	"
453	VVCm 3 x 35 + 1 x 16	(3c x 7s/102t + 1c x 7s/ 47t) 0,25	"	259.000	"
454	VVCm 3 x 50 + 1 x 25	(3c x 7s/144t + 1c x 7s/ 73t) 0,25	"	367.500	"
455	VVCm 3 x 70 + 1 x 35	(3c x 19s/ 73t + 1c x 7s/102t) 0,25	"	501.500	"

Giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT).



CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP ĐIỆN TÀI TRƯỜNG THÀNH LONG AN
 VP Đại diện: 79/35 Đường Âu Cơ, P.14, Q.11, TP.HCM
 VP Kinh doanh: 192 Trần Đại Nghĩa, KP4, P. Tân Tạo A, Q.Bình Tân, Tp.HCM.
 ĐT: (028) 3 7565525 – 3 7565526 ; Fax : (028) 37565528
 Website : www.tttcable.com - Email: taitruongthanh@tttcable.com



Số 03/2019/BG.TTT

Ngày 10/06/2019

Dây & Cáp Pha Lõi Đồng Mềm, Cách Điện PVC 0,6/1KV
 Sản phẩm đạt chất lượng theo TCVN

STT	QUI CÁCH	KẾT CẤU	ĐVT	ĐƠN GIÁ	GHI CHÚ
Loại 04 Lõi Đồng Mềm(Bằng nhau): bọc PVC					
456	VVCm 4 x 0.5	4c x 1s/ 12t x 0,25	Đồng/m	10.800	Vỏ màu xám
457	VVCm 4 x .75	4c x 1s/ 15t x 0,25	"	12.000	"
458	VVCm 4 x 1.0	4c x 1s/ 20t x 0,25	"	14.300	"
459	VVCm 4 x 1.5	4c x 1s/ 30t x 0,25	"	18.400	"
460	VVCm 4 x 2.0	4c x 1s/ 40t x 0,25	"	22.400	"
461	VVCm 4 x 2.5	4c x 1s/ 50t x 0,25	"	26.800	"
462	VVCm 4 x 3.5	4c x 1s/72t x 0,25	"	36.600	"
463	VVCm 4 x 4.0	4c x 1s/82t x 0,25	"	40.900	"
464	VVCm 4 x 6.0	4c x 1s/ 122t x 0,25	"	57.300	"
465	VVCm 4 x 8.0	4c x 1s/ 162t x 0,25	"	74.500	Vỏ màu đen
466	VVCm 4 x 10	4c x 7s/ 30t x 0,25	"	95.000	"
467	VVCm 4 x 16	4c x 7s/ 47t x 0,25	"	142.500	"
468	VVCm 4 x 25	4c x 7s/ 73t x 0,25	"	219.500	"
469	VVCm 4 x 35	4c x 7s/ 102t x 0,25	"	299.000	"
470	VVCm 4 x 50	4c x 7s/ 144t x 0,25	"	418.000	"
471	VVCm 4 x 70	4c x 19s/ 73t x 0,25	"	571.500	"
Loại 05 Lõi Đồng Mềm, bọc PVC					
472	VVCm 5 x 0.5 mm ²	5c x (1s x 12t / 0,25)	Đồng/mét	14.000	Vỏ màu đen
473	VVCm 5 x 0.75 mm ²	5c x (1s x 15t / 0,25)	"	16.000	"
474	VVCm 5 x 1.0 mm ²	5c x (1s x 20t / 0,25)	"	19.000	"
475	VVCm 5 x 1.5 mm ²	5c x (1s x 30t / 0,25)	"	24.500	"
476	VVCm 5 x 2.0 mm ²	5c x (1s x 40t / 0,25)	"	30.000	"
477	VVCm 5 x 2.5 mm ²	5c x (1s x 50t / 0,25)	"	35.000	"
478	VVCm 5 x 3.5 mm ²	5c x (1s x 72t / 0,25)	"	48.500	"
479	VVCm 5 x 4.0 mm ²	5c x (1s x 82t / 0,25)	"	54.000	"
480	VVCm 5 x 6.0 mm ²	5c x (1s x 122t / 0,25)	"	74.500	"
Loại 07 Lõi Đồng Mềm, bọc PVC					
481	VVCm 7 x 0.5 mm ²	7c x (1s x 12t / 0,25)	Đồng/mét	17.500	Vỏ màu đen
482	VVCm 7 x 0.75 mm ²	7c x (1s x 15t / 0,25)	"	20.000	"
483	VVCm 7 x 1.0 mm ²	7c x (1s x 20t / 0,25)	"	24.000	"
484	VVCm 7 x 1.5 mm ²	7c x (1s x 30t / 0,25)	"	31.500	"
485	VVCm 7 x 2.0 mm ²	7c x (1s x 40t / 0,25)	"	39.000	"
486	VVCm 7 x 2.5 mm ²	7c x (1s x 50t / 0,25)	"	46.000	"
487	VVCm 7 x 3.5 mm ²	7c x (1s x 72t / 0,25)	"	63.500	"
488	VVCm 7 x 4.0 mm ²	7c x (1s x 82t / 0,25)	"	71.000	"
489	VVCm 7 x 6.0 mm ²	7c x (1s x 122t / 0,25)	"	100.500	"

Giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT).



CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP ĐIỆN TÀI TRƯỜNG THÀNH LONG AN
 VP Đại diện: 79/35 Đường Âu Cơ, P.14, Q.11, TP.HCM
 VP Kinh doanh: 192 Trần Đại Nghĩa, KP4, P. Tân Tạo A, Q.Bình Tân, Tp.HCM.
 ĐT: (028) 3 7565525 – 3 7565526 ; Fax : (028) 37565528
 Website : www.tttcable.com - Email: taitruongthanh@tttcable.com



Số 03/2019/BG.TTT

Ngày 10/06/2019

Cáp Trần Dùng Cho Đường Dây Tải Điện Trên Không
 Sản phẩm đạt chất lượng theo TCVN

STT	QUI CÁCH SẢN PHẨM	KẾT CẤU	ĐVT	ĐƠN GIÁ	GHI CHÚ
Cáp Đồng Trần:					
490	C 11		VNĐ/Kg	Thời giá	
491	C 14 – C 16		“	“	
492	C 22 – C 25 – C 35		“	“	
493	C 38 – C 50		“	“	
494	C 60 – ---> C100		“	“	
495	C95 -----> C200		“	“	
496	C 250 – C 300		“	“	
SẢN PHẨM NHÔM - THÉP					
Cáp Nhôm Trần					
497	A 16		VNĐ/Kg	Thời giá	
498	A 25		“	“	
499	A 35 ----> A 95		“	“	
500	A 120		“	“	
501	A 150		“	“	
502	A 185		“	“	
503	A 240		“	“	
504	A 300		“	“	
Cáp Thép Nguyên Liệu Ngoại					
505	S 3/8	7 / 2,80	VNĐ/Kg	“	
506	S 5/8	7 / 3,20	“	“	
Cáp Nhôm Lõi Thép Trần					
507	AS 35/6	6s/2,80 + 1s/2,80	VNĐ/Kg	61.000	
508	AS 50/8	6s/3,20 + 1s/3,20	“	61.000	
509	AS 70/11	6s/3,80 + 1s/3,80	“	60.500	
510	AS 95/16	6s/4,50 + 1s/4,50	“	60.500	
511	AS 120/19	26s/2,40 + 7s/1,85	“	63.000	
512	AS 120/27	30s/2,20 + 7s/2,20	“	60.000	
513	AS 150/19	24s/2,80 + 7s/1,85	“	64.500	
514	AS 150/24	26s/2,70 + 7s/2,10	“	62.500	
515	AS 185/24	24s/3,15 + 7s/2,10	“	64.000	
516	AS 185/29	26s/2,98 + 7s/2,30	“	62.500	
517	AS 240/32	24s/3,60 + 7s/2,40	“	64.000	

Giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT).



CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP ĐIỆN TÀI TRƯỜNG THÀNH LONG AN
 VP Đại diện: 79/35 Đường Âu Cơ, P.14, Q.11, TP.HCM
 VP Kinh doanh: 192 Trần Đại Nghĩa, KP4, P. Tân Tạo A, Q.Bình Tân, Tp.HCM.
 ĐT: (028) 3 7565525 – 3 7565526 ; Fax : (028) 37565528
 Website : www.tttcable.com - Email: taitruongthanh@tttcable.com



Số 03/2019/BG.TTT

Ngày 10/06/2019

Cáp Điện Lực Lõi Nhôm, Cách Điện 0,6/1KV
 Sản phẩm đạt chất lượng theo TCVN

STT	QUI CÁCH SẢN PHẨM	KẾT CẤU	ĐVT	ĐƠN GIÁ	GHI CHÚ
Cáp Điện Lực Nhôm Lõi Thép, Cách Điện PVC 0,6/1KV					
518	ASV 35/6	6s/2,80 + 1s/2,80	VNĐ/mét	13.000	
519	ASV 50/8	6s/3,20 + 1s/3,20	"	16.000	
520	ASV 70/11	6s/3,80 + 1s/3,80	"	22.000	
521	ASV 95/16	6s/4,50 + 1s/4,50	"	30.000	
522	ASV 120/19	26s/2,40 + 7s/1,85	"	37.000	
523	ASV 120/27	30s/2,20 + 7s/2,20	"	39.000	
524	ASV 150/19	24s/2,80 + 7s/1,85	"	44.000	
525	ASV 150/24	26s/2,70 + 7s/2,10	"	46.500	
526	ASV 185/24	24s/3,15 + 7s/2,10	"	55.500	
527	ASV 185/29	26s/2,98 + 7s/2,30	"	56.000	
528	ASV 240/32	24s/3,60 + 7s/2,40	"	72.500	
STT	QUI CÁCH SẢN PHẨM	KẾT CẤU	AV	AVV	AXV
Cáp Điện Lực Lõi Nhôm, Cách Điện PVC 0,6/1KV VNĐ/mét					
529	AV 10 mm ²	7s / 1,35 ly	3.500	5.600	5.700
530	AV 16 mm ²	7s / 1,70 ly	4.700	6.800	6.900
531	AV 25 mm ²	7s / 2,14 ly	7.000	9.600	9.700
532	AV 35 mm ²	7s / 2,52 ly	9.400	12.100	12.200
533	AV 50 mm ²	7s / 3,00 ly	13.000	16.100	16.300
534	AV 50 mm ² - 19s	19s / 1,82 ly	13.500	16.600	16.800
535	AV 70 mm ²	7s / 3,55 ly	17.900	21.300	21.500
536	AV 70 mm ² - 19s	19s / 2,14 ly	18.400	21.800	22.000
537	AV 95 mm ²	7s / 4,16 ly	24.100	28.500	28.800
538	AV 95 mm ² - 19s	19s / 2,52 ly	24.600	29.100	29.400
539	AV 120 mm ² - 37s	37s / 2,03 ly	31.200	36.000	36.500
540	AV 150 mm ²	37s / 2,28 ly	38.900	44.400	44.900
541	AV 185 mm ²	37s / 2,52 ly	46.600	53.400	53.900
542	AV 240 mm ²	61s / 2,24 ly	61.600	69.500	70.500
543	AV 300 mm ²	61s / 2,50 ly	76.500	85.000	86.000
544	AV 350 mm ²	61s / 2,70 ly	87.500	98.500	99.500
545	AV 400 mm ²	61s / 2,90 ly	100.500	112.000	113.500

Giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT).



CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP ĐIỆN TÀI TRƯỜNG THÀNH LONG AN
VP Đại diện: 79/35 Đường Âu Cơ, P.14, Q.11, TP.HCM
VP Kinh doanh: 192 Trần Đại Nghĩa, KP4, P. Tân Tạo A, Q.Bình Tân, Tp.HCM.
ĐT: (028) 3 7565525 – 3 7565526 ; Fax : (028) 37565528
Website : www.tttcable.com - Email: taitruongthanh@tttcable.com



Số 03/2019/BG.TTT

Ngày 10/06/2019

Cáp Voan xoắn Điện Lực Lõi Nhôm, Cách Điện 0,6/1KV
Sản phẩm đạt chất lượng theo TCVN

STT	QUI CÁCH SẢN PHẨM	KẾT CẤU	ĐVT	Đơn giá	GHI CHÚ
Cáp Quaplex (02 lõi Nhôm) Cách Điện PVC 0,6/1KV					
546	DAV 10 mm ²	2c x 7s / 1,35	Đồng/mét	7.500	
547	DAV 16 mm ²	2c x 7s / 1,70	"	10.000	
548	DAV 25 mm ²	2c x 7s / 2,14	"	14.500	
549	DAV 35 mm ²	2c x 7s / 2,52	"	19.500	
550	DAV 50 mm ²	2c x 7s / 3,00	"	26.500	
Cáp Duplex (03 lõi Nhôm) Cách Điện PVC 0,6/1KV					
551	TAV 10 mm ²	3c x 7s / 1,35	Đồng/mét	11.000	
552	TAV 16 mm ²	3c x 7s / 1,70	"	15.000	
553	TAV 25 mm ²	3c x 7s / 2,14	"	22.000	
554	TAV 35 mm ²	3c x 7s / 2,52	"	29.000	
555	TAV 50 mm ²	3c x 7s / 3,00	"	39.500	
Cáp Trilex (04 lõi Nhôm) Cách Điện PVC 0,6/1KV					
556	QAV 10 mm ²	4c x 7s / 1,35	Đồng/mét	14.500	
557	QAV 16 mm ²	4c x 7s / 1,70	"	19.500	
558	QAV 25 mm ²	4c x 7s / 2,14	"	29.000	
559	QAV 35 mm ²	4c x 7s / 2,52	"	38.500	
560	QAV 50 mm ²	4c x 7s / 3,00	"	53.000	

Giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT).



CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP ĐIỆN TÀI TRƯỜNG THÀNH LONG AN
 VP Đại diện: 79/35 Đường Âu Cơ, P.14, Q.11, TP.HCM
 VP Kinh doanh: 192 Trần Đại Nghĩa, KP4, P. Tân Tạo A, Q.Bình Tân, Tp.HCM.
 ĐT: (028) 3 7565525 – 3 7565526 ; Fax : (028) 37565528
 Website : www.tttcable.com - Email: taitruongthanh@tttcable.com



Số 03/2019/BG.TTT

Ngày 10/06/2019

Cáp Điện Lực Lõi Nhôm ABC, Cách Điện 0,6/1KV
 Sản phẩm đạt chất lượng theo TCVN

STT	QUI CÁCH SẢN PHẨM	KẾT CẤU	ĐVT	Đơn giá	GHI CHÚ
Cáp ABC 02 dây xoắn lõi Nhôm, Cách Điện XLPE 0,6/1KV					
561	ABC 2 x 16 mm ²	2c x 7s / 1,70	VNĐ/mét	10.000	
562	ABC 2 x 25 mm ²	2c x 7s / 2,14	"	14.500	
563	ABC 2 x 35 mm ²	2c x 7s / 2,52	"	19.000	
564	ABC 2 x 50 mm ²	2c x 7s / 3,00	"	25.500	
565	ABC 2 x 70 mm ²	2c x 19s / 2,14	"	35.000	
566	ABC 2 x 95 mm ²	2c x 19s / 2,52	"	47.500	
567	ABC 2 x 120 mm ²	2c x 19s / 2,82	"	58.000	
568	ABC 2 x 150 mm ²	2c x 19s / 3,17	"	71.500	
569	ABC 2 x 185 mm ²	2c x 19s / 3,52	"	87.500	
570	ABC 2 x 240 mm ²	2c x 19s / 4,02	"	113.000	
Cáp ABC 03 dây xoắn lõi Nhôm, Cách Điện XLPE 0,6/1KV					
571	ABC 3 x 16 mm ²	3c x 7s / 1,70	VNĐ/mét	15.000	
572	ABC 3 x 25 mm ²	3c x 7s / 2,14	"	21.000	
573	ABC 3 x 35 mm ²	3c x 7s / 2,52	"	28.000	
574	ABC 3 x 50 mm ²	3c x 7s / 3,00	"	37.500	
575	ABC 3 x 70 mm ²	3c x 19s / 2,14	"	52.500	
576	ABC 3 x 95 mm ²	3c x 19s / 2,52	"	71.000	
577	ABC 3 x 120 mm ²	3c x 19s / 2,82	"	87.000	
578	ABC 3 x 150 mm ²	3c x 19s / 3,17	"	107.000	
579	ABC 3 x 185 mm ²	3c x 19s / 3,52	"	131.000	
580	ABC 3 x 240 mm ²	3c x 19s / 4,02	"	169.000	
581	ABC 3 x 300 mm ²	3c x 37s / 3,22	"	212.500	
Cáp ABC 04 dây xoắn lõi Nhôm, Cách Điện XLPE 0,6/1KV					
582	ABC 4 x 16 mm ²	4c x 7s / 1,70	VNĐ/mét	20.000	
583	ABC 4 x 25 mm ²	4c x 7s / 2,14	"	28.000	
584	ABC 4 x 35 mm ²	4c x 7s / 2,52	"	37.000	
585	ABC 4 x 50 mm ²	4c x 7s / 3,00	"	50.500	
586	ABC 4 x 70 mm ²	4c x 19s / 2,14	"	70.000	
587	ABC 4 x 95 mm ²	4c x 19s / 2,52	"	94.500	
588	ABC 4 x 120 mm ²	4c x 19s / 2,82	"	115.000	
589	ABC 4 x 150 mm ²	4c x 19s / 3,17	"	142.000	
590	ABC 4 x 185 mm ²	4c x 19s / 3,52	"	173.500	
591	ABC 4 x 240 mm ²	4c x 19s / 4,02	"	224.500	
592	ABC 4 x 300 mm ²	4c x 37s / 3,22	"	281.500	

Giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT).



CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP ĐIỆN TÀI TRƯỜNG THÀNH LONG AN
 VP Đại diện: 79/35 Đường Âu Cơ, P.14, Q.11, TP.HCM
 VP Kinh doanh: 192 Trần Đại Nghĩa, KP4, P. Tân Tạo A, Q.Bình Tân, Tp.HCM.
 ĐT: (028) 3 7565525 – 3 7565526 ; Fax : (028) 37565528
 Website : www.tttcable.com - Email: taitruongthanh@tttcable.com



Số 03/2019/BG.TTT

Ngày 10/06/2019

Cáp Điện Lực Trung Thế Treo cách điện 5.5 ly
Điện áp 12,7/22 (24) kv Lớp Bán dẫn + Có chống Thấm
 Sản phẩm đạt chất lượng theo TCVN

STT	QUI CÁCH SẢN PHẨM	KẾT CẤU	ĐVT	ĐƠN GIÁ	GHI CHÚ
Cáp Điện Lực Trung Thế Treo Lõi Nhôm, Cách Điện XLPE 24KV:					
593	AX 35 mm ² - 12,7/22 (24) kv	7s / 2,52 ly	VNĐ/mét	27.500	
594	AX 50 mm ² - 12,7/22 (24) kv	19s / 1,82 ly	"	32.500	
595	AX 70 mm ² - 12,7/22 (24) kv	19s / 2,14 ly	"	38.000	
596	AX 95 mm ² - 12,7/22 (24) kv	19s / 2,52 ly	"	46.500	
597	AX 120 mm ² - 12,7/22 (24) kv	37s / 2,03 ly	"	55.500	
598	AX 150 mm ² - 12,7/22 (24) kv	37s / 2,28 ly	"	64.500	
599	AX 185 mm ² - 12,7/22 (24) kv	37s / 2,52 ly	"	74.500	
600	AX 240 mm ² - 12,7/22 (24) kv	61s / 2,24 ly	"	90.000	
Cáp Điện Lực Trung Thế Treo Dây Nhôm, Lõi thép Cách Điện XLPE 24KV:					
601	ACX 35/6- 12,7/22 (24) kv	6/ 2,80 + 1/ 2,80	Đồng/mét	31.000	
602	ACX 50/8- 12,7/22 (24) kv	6/ 3,20 + 1/ 3,20	"	34.000	
603	ACX 70/11- 12,7/22 (24) kv	6/ 3,80 + 1/ 3,80	"	42.000	
604	ACX 95/16- 12,7/22 (24) kv	6/ 4,50 + 1/ 4,50	"	52.500	
605	ACX 120/19- 12,7/22 (24) kv	26/ 2,40 + 7/ 1,85	"	62.000	
606	ACX 150/19- 12,7/22 (24) kv	24/ 2,80 + 7/ 1,85	"	71.500	
607	ACX 185/24- 12,7/22 (24) kv	24/ 3,15 + 7/ 2,10	"	83.500	
608	ACX 185/29- 12,7/22 (24) kv	26/ 2,98 + 7/ 2,30	"	83.500	
609	ACX 240/32- 12,7/22 (24) kv	24/ 3,60 + 7/ 2,40	"	100.000	
Cáp Điện Lực Trung Thế Treo Lõi Đồng, Cách Điện XLPE 24KV:					
610	CX 22 mm ² - 12,7/22 (24) kv	7s / 2,00 ly	Đồng/mét	57.500	
611	CX 25 mm ² - 12,7/22 (24) kv	7s / 2,14 ly	"	62.500	
612	CX 35 mm ² - 12,7/22 (24) kv	7s / 2,52 ly	"	80.500	
613	CX 38 mm ² - 12,7/22 (24) kv	7s / 2,62 ly	"	88.000	
614	CX 50 mm ² - 12,7/22 (24) kv	19s / 1,82 ly	"	110.000	
615	CX 70 mm ² - 12,7/22 (24) kv	19s / 2,14 ly	"	148.000	
616	CX 75 mm ² - 12,7/22 (24) kv	19s / 2,24 ly	"	159.500	
617	CX 95 mm ² - 12,7/22 (24) kv	19s / 2,52 ly	"	198.000	
618	CX 100 mm ² - 12,7/22 (24) kv	19s / 2,60 ly	"	209.000	
619	CX 120 mm ² - 12,7/22 (24) kv	37s / 2,03 ly	"	242.500	
620	CX 150 mm ² - 12,7/22 (24) kv	37s / 2,28 ly	"	306.000	
621	CX 185 mm ² - 12,7/22 (24) kv	37s / 2,52 ly	"	367.500	
622	CX 200 mm ² - 12,7/22 (24) kv	37s / 2,62 ly	"	397.500	
623	CX 240 mm ² - 12,7/22 (24) kv	61s / 2,24 ly	"	478.000	



CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP ĐIỆN TÀI TRƯỜNG THÀNH LONG AN
 VP Đại diện: 79/35 Đường Âu Cơ, P.14, Q.11, TP.HCM
 VP Kinh doanh: 192 Trần Đại Nghĩa, KP4, P. Tân Tạo A, Q.Bình Tân, Tp.HCM.
 ĐT: (028) 3 7565525 – 3 7565526 ; Fax : (028) 37565528
 Website : www.tttcable.com - Email: taitruongthanh@tttcable.com



Số 03/2019/BG.TTT

Ngày 10/06/2019

Cáp Điện Lực Trung Thế Treo

Cách điện XLPE/PVC & XLPE/HDPE điện áp 12,7/22 (24) kv

Sản phẩm đạt chất lượng theo TCVN

STT	QUI CÁCH SẢN PHẨM	KẾT CẤU	ĐVT	ĐƠN GIÁ	GHI CHÚ
Cáp Điện Lực Trung Thế Treo Lõi Nhôm, Cách Điện XLPE, vỏ bọc PVC - 24KV:					
623	A/XLPE/PVC 35 mm ² - 24 kv	7s / 2,52 ly	Đồng/mét	26.000	
624	A/XLPE/PVC 50 mm ² - 24 kv	19s / 1,82 ly	"	31.000	
625	A/XLPE/PVC 70 mm ² - 24 kv	19s / 2,14 ly	"	37.500	
626	A/XLPE/PVC 95 mm ² - 24 kv	19s / 2,52 ly	"	44.500	
627	A/XLPE/PVC 120 mm ² - 24 kv	37s / 2,03 ly	"	55.000	
628	A/XLPE/PVC 150 mm ² - 24 kv	37s / 2,28 ly	"	63.000	
629	A/XLPE/PVC 185 mm ² - 24 kv	37s / 2,52 ly	"	73.500	
630	A/XLPE/PVC 240 mm ² - 24 kv	61s / 2,24 ly	"	89.000	
Cáp Điện Lực Trung Thế Treo Lõi Nhôm, Cách Điện XLPE, vỏ bọc HDPE - 24KV:					
631	A/XLPE/HDPE 35 mm ² - 24 kv	7s / 2,52 ly	Đồng/mét	26.500	
632	A/XLPE/HDPE 50 mm ² - 24 kv	19s / 1,82 ly	"	32.000	
633	A/XLPE/HDPE 70 mm ² - 24 kv	19s / 2,14 ly	"	38.500	
634	A/XLPE/HDPE 95 mm ² - 24 kv	19s / 2,52 ly	"	46.500	
635	A/XLPE/HDPE 120 mm ² - 24 kv	37s / 2,03 ly	"	57.000	
636	A/XLPE/HDPE 150 mm ² - 24 kv	37s / 2,28 ly	"	65.000	
637	A/XLPE/HDPE 185 mm ² - 24 kv	37s / 2,52 ly	"	75.500	
638	A/XLPE/HDPE 240 mm ² - 24 kv	61s / 2,24 ly	"	91.000	
Cáp Điện Lực Trung Thế Treo Dây Nhôm Lõi thép Cách Điện XLPE, vỏ bọc PVC - 24KV:					
639	AS/XLPE/PVC 35/6- 24 kv	6/ 2,80 + 1/ 2,80	Đồng/mét	29.500	
640	AS/XLPE/PVC 50/8- 24 kv	6/ 3,20 + 1/ 3,20	"	34.500	
641	AS/XLPE/PVC 70/11- 24 kv	6/ 3,80 + 1/ 3,80	"	42.000	
642	AS/XLPE/PVC 95/16- 24 kv	6/ 4,50 + 1/ 4,50	"	51.000	
643	AS/XLPE/PVC 120/19- 24 kv	26/ 2,40 + 7/ 1,85	"	61.000	
644	AS/XLPE/PVC 150/19- 24 kv	24/ 2,80 + 7/ 1,85	"	70.500	
645	AS/XLPE/PVC 185/29- 24 kv	26/ 2,98 + 7/ 2,30	"	82.000	
646	AS/XLPE/PVC 240/32- 24 kv	24/ 3,60 + 7/ 2,40	"	100.500	
Cáp Điện Lực Trung Thế Treo Nhôm Lõi Thép, Cách Điện XLPE, vỏ bọc HDPE - 24KV:					
647	AS/XLPE/HDPE 35/6- 24 kv	6/ 2,80 + 1/ 2,80	Đồng/mét	30.000	
648	AS/XLPE/HDPE 50/8- 24 kv	6/ 3,20 + 1/ 3,20	"	35.500	
649	AS/XLPE/HDPE 70/11- 24 kv	6/ 3,80 + 1/ 3,80	"	43.000	
650	AS/XLPE/HDPE 95/16- 24 kv	6/ 4,50 + 1/ 4,50	"	52.000	
651	AS/XLPE/HDPE 120/19- 24 kv	26/ 2,40 + 7/ 1,85	"	62.000	
652	AS/XLPE/HDPE 150/19- 24 kv	24/ 2,80 + 7/ 1,85	"	71.500	
653	AS/XLPE/HDPE 185/29- 24 kv	26/ 2,98 + 7/ 2,30	"	83.000	
654	AS/XLPE/HDPE 240/32- 24 kv	24/ 3,60 + 7/ 2,40	"	101.500	



CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP ĐIỆN TÀI TRƯỜNG THÀNH LONG AN
 VP Đại diện: 79/35 Đường Âu Cơ, P.14, Q.11, TP.HCM
 VP Kinh doanh: 192 Trần Đại Nghĩa, KP4, P. Tân Tạo A, Q.Bình Tân, Tp.HCM.
 ĐT: (028) 3 7565525 – 3 7565526 ; Fax : (028) 37565528
 Website : www.tttcable.com - Email: taitruongthanh@tttcable.com



Số 03/2019/BG.TTT

Ngày 10/06/2019

Cáp Điện Lực Trung Thế Treo

Cách điện XLPE/PVC & XLPE/HDPE điện áp 12,7/22 (24) kv

Sản phẩm đạt chất lượng theo TCVN

STT	QUI CÁCH SẢN PHẨM	KẾT CẤU	ĐVT	ĐƠN GIÁ	GHI CHÚ
Cáp Điện Lực Trung Thế Treo Lõi Đồng, Cách Điện XLPE, vỏ PVC - 24KV:					
655	C/XLPE/PVC 22 mm ² - 24 kv	7s / 2,00 ly	Đồng/mét	56.500	
656	C/XLPE/PVC 25 mm ² - 24 kv	7s / 2,14 ly	"	61.000	
657	C/XLPE/PVC 35 mm ² - 24 kv	7s / 2,52 ly	"	80.000	
658	C/XLPE/PVC 38 mm ² - 24 kv	7s / 2,62 ly	"	86.000	
659	C/XLPE/PVC 50 mm ² - 24 kv	19s / 1,82 ly	"	105.500	
660	C/XLPE/PVC 70 mm ² - 24 kv	19s / 2,14 ly	"	148.500	
661	C/XLPE/PVC 75 mm ² - 24 kv	19s / 2,24 ly	"	159.000	
662	C/XLPE/PVC 95 mm ² - 24 kv	19s / 2,52 ly	"	195.500	
663	C/XLPE/PVC 100 mm ² - 24 kv	19s / 2,60 ly	"	207.500	
664	C/XLPE/PVC 120 mm ² - 24 kv	37s / 2,03 ly	"	240.500	
665	C/XLPE/PVC 150 mm ² - 24 kv	37s / 2,28 ly	"	304.000	
666	C/XLPE/PVC 185 mm ² - 24 kv	37s / 2,52 ly	"	366.000	
667	C/XLPE/PVC 200 mm ² - 24 kv	37s / 2,62 ly	"	395.500	
668	C/XLPE/PVC 240 mm ² - 24 kv	61s / 2,24 ly	"	473.500	
Cáp Điện Lực Trung Thế Treo Lõi Đồng, Cách Điện XLPE, vỏ HDPE- 24 KV:					
669	C/XLPE/HDPE 22 mm ² - 24 kv	7s / 2,00 ly	Đồng/mét	57.000	
670	C/XLPE/HDPE 25 mm ² - 24 kv	7s / 2,14 ly	"	61.500	
671	C/XLPE/HDPE 35 mm ² - 24 kv	7s / 2,52 ly	"	80.500	
672	C/XLPE/HDPE 38 mm ² - 24 kv	7s / 2,62 ly	"	86.500	
673	C/XLPE/HDPE 50 mm ² - 24 kv	19s / 1,82 ly	"	107.000	
674	C/XLPE/HDPE 70 mm ² - 24 kv	19s / 2,14 ly	"	150.000	
675	C/XLPE/HDPE 75 mm ² - 24 kv	19s / 2,24 ly	"	160.500	
676	C/XLPE/HDPE 95 mm ² - 24 kv	19s / 2,52 ly	"	197.000	
677	C/XLPE/HDPE 100 mm ² - 24 kv	19s / 2,60 ly	"	209.000	
678	C/XLPE/HDPE 120 mm ² - 24 kv	37s / 2,03 ly	"	242.000	
679	C/XLPE/HDPE 150 mm ² - 24 kv	37s / 2,28 ly	"	305.500	
680	C/XLPE/HDPE 185 mm ² - 24 kv	37s / 2,52 ly	"	367.500	
681	C/XLPE/HDPE 200 mm ² - 24 kv	37s / 2,62 ly	"	397.000	
682	C/XLPE/HDPE 240 mm ² - 24 kv	61s / 2,24 ly	"	475.000	

Giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT).



Số 03/2019/BG.TTT

Ngày 10/06/2019

Cáp Điện Lực Trung Thế Treo
Cách điện XLPE/PVC & XLPE/HDPE điện áp 36 kv

Sản phẩm đạt chất lượng theo TCVN

STT	QUI CÁCH SẢN PHẨM	KẾT CẤU	ĐVT	ĐƠN GIÁ	GHI CHÚ
Cáp Điện Lực Trung Thế Treo Lõi Đồng, Cách Điện XLPE, vỏ PVC - 36KV:					
683	C/xlpe/XLPE/PVC 22 mm ² - 36 kv	7s / 2,00 ly	Đồng/mét	76.500	
684	C/xlpe/XLPE/PVC 25 mm ² - 36 kv	7s / 2,14 ly	"	79.000	
685	C/xlpe/XLPE/PVC 35 mm ² - 36 kv	7s / 2,52 ly	"	97.500	
686	C/xlpe/XLPE/PVC 38 mm ² - 36 kv	7s / 2,62 ly	"	103.500	
687	C/xlpe/XLPE/PVC 50 mm ² - 36 kv	19s / 1,82 ly	"	127.000	
688	C/xlpe/XLPE/PVC 70 mm ² - 36 kv	19s / 2,14 ly	"	169.000	
689	C/xlpe/XLPE/PVC 75 mm ² - 36 kv	19s / 2,24 ly	"	182.000	
690	C/xlpe/XLPE/PVC 95 mm ² - 36 kv	19s / 2,52 ly	"	221.000	
691	C/xlpe/XLPE/PVC 100 mm ² - 36 kv	19s / 2,60 ly	"	234.000	
692	C/xlpe/XLPE/PVC 120 mm ² - 36 kv	37s / 2,03 ly	"	267.500	
693	C/xlpe/XLPE/PVC 150 mm ² - 36 kv	37s / 2,28 ly	"	332.000	
694	C/xlpe/XLPE/PVC 185 mm ² - 36 kv	37s / 2,52 ly	"	400.000	
695	C/xlpe/XLPE/PVC 200 mm ² - 36 kv	37s / 2,62 ly	"	431.000	
696	C/xlpe/XLPE/PVC 240 mm ² - 36 kv	61s / 2,24 ly	"	513.000	
Cáp Điện Lực Trung Thế Treo Lõi Đồng, Cách Điện XLPE, vỏ HDPE - 36 KV:					
697	C/xlpe/XLPE/HDPE 22 mm ² - 36 kv	7s / 2,00 ly	Đồng/mét	78.500	
698	C/xlpe/XLPE/HDPE 25 mm ² - 36 kv	7s / 2,14 ly	"	81.000	
699	C/xlpe/XLPE/HDPE 35 mm ² - 36 kv	7s / 2,52 ly	"	99.500	
700	C/xlpe/XLPE/HDPE 38 mm ² - 36 kv	7s / 2,62 ly	"	105.500	
701	C/xlpe/XLPE/HDPE 50 mm ² - 36 kv	19s / 1,82 ly	"	129.000	
702	C/xlpe/XLPE/HDPE 70 mm ² - 36 kv	19s / 2,14 ly	"	171.000	
703	C/xlpe/XLPE/HDPE 75 mm ² - 36 kv	19s / 2,24 ly	"	184.000	
704	C/xlpe/XLPE/HDPE 95 mm ² - 36 kv	19s / 2,52 ly	"	223.000	
705	C/xlpe/XLPE/HDPE 100 mm ² - 36 kv	19s / 2,60 ly	"	236.000	
706	C/xlpe/XLPE/HDPE 120 mm ² - 36 kv	37s / 2,03 ly	"	269.500	
707	C/xlpe/XLPE/HDPE 150 mm ² - 36 kv	37s / 2,28 ly	"	334.000	
708	C/xlpe/XLPE/HDPE 185 mm ² - 36 kv	37s / 2,52 ly	"	402.000	
709	C/xlpe/XLPE/HDPE 200 mm ² - 36 kv	37s / 2,62 ly	"	433.000	
710	C/xlpe/XLPE/HDPE 240 mm ² - 36 kv	61s / 2,24 ly	"	515.000	

Giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT).



CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP ĐIỆN TÀI TRƯỜNG THÀNH LONG AN
 VP Đại diện: 79/35 Đường Âu Cơ, P.14, Q.11, TP.HCM
 VP Kinh doanh: 192 Trần Đại Nghĩa, KP4, P. Tân Tạo A, Q.Bình Tân, Tp.HCM.
 ĐT: (028) 3 7565525 – 3 7565526 ; Fax : (028) 37565528
 Website : www.tttcable.com - Email: taitruongthanh@tttcable.com



Số 03/2019/BG.TTT

Ngày 10/06/2019

Dây Cáp Voãn xoắn Chống cháy Điện Lực Lõi Đồng, Cách Điện PVC 0,6/1KV
 Sản phẩm đạt chất lượng theo TCVN

STT	QUI CÁCH	KẾT CẤU	ĐVT	ĐƠN GIÁ	GHI CHÚ
Dây Đơn Lõi Đồng					
Cáp Duplex (Cáp 2 lõi đồng)					
711	DupLex FRC 2c x 6.0 mm ²	2c x 7s / 1,04	Đồng/mét	25.700	
712	DupLex FRC 2c x 7.0 mm ²	2c x 7s / 1,13		29.500	
713	DupLex FRC 2c x 8.0 mm ²	2c x 7s / 1,20		32.700	
714	DupLex FRC 2c x 10 mm ²	2c x 7s / 1,35		40.400	
715	DupLex FRC 2c x 11 mm ²	2c x 7s / 1,41		43.800	
716	DupLex FRC 2c x 14 mm ²	2c x 7s / 1,60		55.400	
717	DupLex FRC 2c x 16 mm ²	2c x 7s / 1,70		62.000	
718	DupLex FRC 2c x 22 mm ²	2c x 7s / 2,00		84.100	
Cáp Triplex (Cáp 3 lõi đồng)					
719	TripLex FRC 3c x 6.0 mm ²	2c x 7s / 1,04	Đồng/mét	38.400	
720	TripLex FRC 3c x 7.0 mm ²	3c x 7s / 1,13		43.900	
721	TripLex FRC 3c x 8.0 mm ²	3c x 7s / 1,20		48.900	
722	TripLex FRC 3c x 10 mm ²	3c x 7s / 1,35		60.400	
723	TripLex FRC 3c x 11 mm ²	3c x 7s / 1,41		65.500	
724	TripLex FRC 3c x 14 mm ²	3c x 7s / 1,60		83.000	
725	TripLex FRC 3c x 16 mm ²	3c x 7s / 1,70		92.500	
726	TripLex FRC 3c x 22 mm ²	3c x 7s / 2,00		126.000	
Cáp Quadruplex (Cáp 4 lõi đồng)					
727	QuapLex FRC 4c x 6.0 mm ²	2c x 7s / 1,04	Đồng/mét	51.500	
728	QuapLex FRC 4c x 7.0 mm ²	4c x 7s / 1,13		58.300	
729	QuapLex FRC 4c x 8.0 mm ²	4c x 7s / 1,20		64.800	
730	QuapLex FRC 4c x 10 mm ²	4c x 7s / 1,35		80.200	
731	QuapLex FRC 4c x 11 mm ²	4c x 7s / 1,41		87.200	
732	QuapLex FRC 4c x 14 mm ²	4c x 7s / 1,60		110.500	
733	QuapLex FRC 4c x 16 mm ²	4c x 7s / 1,70		123.000	
734	QuapLex FRC 4c x 22 mm ²	4c x 7s / 2,00		167.500	

Giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT).



CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP ĐIỆN TÀI TRƯỜNG THÀNH LONG AN
 VP Đại diện: 79/35 Đường Âu Cơ, P.14, Q.11, TP.HCM
 VP Kinh doanh: 192 Trần Đại Nghĩa, KP4, P. Tân Tạo A, Q.Bình Tân, Tp.HCM.
 ĐT: (028) 3 7565525 – 3 7565526 ; Fax : (028) 37565528
 Website : www.tttcable.com - Email: taitruongthanh@tttcable.com



Số 03/2019/BG.TTT

Ngày 10/06/2019

Cáp Chống cháy Điện Lực 02 Lõi Đồng, Cách Điện XLPE, Vỏ PVC 0,6/1KV
 Sản phẩm đạt chất lượng theo TCVN

STT	QUI CÁCH	KẾT CẤU	FRCXV	FRCXV/DSTA/PVC (Giáp thép)	FRCXV/DSTA/PVC Có phân cách (Giáp thép)
				Đơn giá: VND / mét	
735	2 x 1.5 mm ²	2 x 7s/0,52	13.200		
736	2 x 2.0 mm ²	2 x 7s/0,60	15.600		
737	2 x 2.5 mm ²	2 x 7s/0,67	17.800		
738	2 x 3.5 mm ²	2 x 7s/0,80	22.700		31.500
739	2 x 4.0 mm ²	2 x 7s/0,85	25.000		34.000
740	2 x 5.0 mm ²	2 x 7s/0,95	29.400		38.600
741	2 x 6.0 mm ²	2 x 7s/1,04	32.700	38.600	42.600
742	2 x 7.0 mm ²	2 x 7s/1,13	37.300	42.900	47.200
743	2 x 8.0 mm ²	2 x 7s/1,20	41.100	47.300	51.800
744	2 x 10 mm ²	2 x 7s/1,35	50.100	56.400	60.900
745	2 x 11 mm ²	2 x 7s/1,41	54.000	60.700	65.200
746	2 x 14 mm ²	2 x 7s/1,60	66.800	74.500	79.000
747	2 x 16 mm ²	2 x 7s/1,70	74.000	81.500	86.000
748	2 x 22 mm ²	2 x 7s/2,00	98.500	106.000	111.000
749	2 x 25 mm ²	2 x 7s/2,14	112.500	121.500	126.500
750	2 x 30 mm ²	2 x 7s/2,30	128.000	137.500	143.500
751	2 x 35 mm ²	2 x 7s/2,52	151.000	162.500	168.500
752	2 x 38 mm ²	2 x 7s/2,62	162.500	174.000	180.000
753	2 x 50 mm ²	2 x 19s/1,82	211.500	223.500	229.500

Giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT).



CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP ĐIỆN TÀI TRƯỜNG THÀNH LONG AN
 VP Đại diện: 79/35 Đường Âu Cơ, P.14, Q.11, TP.HCM
 VP Kinh doanh: 192 Trần Đại Nghĩa, KP4, P. Tân Tạo A, Q.Bình Tân, Tp.HCM.
 ĐT: (028) 3 7565525 – 3 7565526 ; Fax : (028) 37565528
 Website : www.tttcable.com - Email: taitruongthanh@tttcable.com



Số 03/2019/BG.TTT

Ngày 10/06/2019

Cáp Chống cháy Điện Lực 03 Lõi Đồng, Cách Điện XLPE, Vỏ PVC 0,6/1KV

Sản phẩm đạt chất lượng theo TCVN

STT	QUI CÁCH	KẾT CẤU	FRCXV	FRCXV/DSTA/PVC (Giáp thép)	FRCXV/DSTA/PVC Có phân cách (Giáp thép)
			Đơn giá: VNĐ / mét		
754	3 x 1.5 mm ²	3 x 7s/0,52	17.500		
755	3 x 2.0 mm ²	3 x 7s/0,60	20.800		
756	3 x 2.5 mm ²	3 x 7s/0,670	24.500		
757	3 x 3.5 mm ²	3 x 7s/0,80	31.200		39.100
758	3 x 4.0 mm ²	3 x 7s/0,85	34.400		42.600
759	3 x 5.0 mm ²	3 x 7s/0,95	40.700		49.100
760	3 x 6.0 mm ²	3 x 7s/1,04	45.700	52.100	54.700
761	3 x 7.0 mm ²	3 x 7s/1,13	52.400	58.200	61.500
762	3 x 8.0 mm ²	3 x 7s/1,20	57.800	63.600	68.500
763	3 x 10 mm ²	3 x 7s/1,35	70.900	76.900	82.000
764	3 x 11 mm ²	3 x 7s/1,41	76.700	83.500	88.600
765	3 x 14 mm ²	3 x 7s/1,60	95.300	102.500	107.600
766	3 x 16 mm ²	3 x 7s/1,70	105.400	112.900	118.000
767	3 x 22 mm ²	3 x 7s/2,00	141.100	148.800	154.000
768	3 x 25 mm ²	3 x 7s/2,14	161.100	169.800	175.000
769	3 x 30 mm ²	3 x 7s/2,30	184.100	194.300	200.000
770	3 x 35 mm ²	3 x 7s/2,52	217.500	227.800	235.500
771	3 x 38 mm ²	3 x 7s/2,62	234.500	245.300	253.000
772	3 x 50 mm ²	3 x 19s/1,82	306.000	318.300	326.000
773	3 x 60 mm ²	3 x 19s/2,00	371.500	398.000	411.000
774	3 x 70 mm ²	3 x 19s/2,14	423.000	467.500	480.500
775	3 x 75 mm ²	3 x 19s/2,24	462.000	507.500	520.500
776	3 x 95 mm ²	3 x 19s/2,52	579.500	628.500	641.500
777	3 x 100 mm ²	3 x 19s/2,60	616.000	665.000	678.000
778	3 x 120 mm ²	3 x 19s/2,82	730.500	783.000	796.000
779	3 x 150 mm ²	3 x 37s/2,28	917.500	974.000	987.000
780	3 x 185 mm ²	3 x 37s/2,52	1.110.500	1.170.000	1.183.000
781	3 x 200 mm ²	3 x 37s/2,62	1.200.000	1.262.000	1.275.000
782	3 x 240 mm ²	3 x 37s/2,87	1.445.500	1.510.500	1.523.500
783	3 x 250 mm ²	3 x 37s/2,93	1.495.000	1.560.500	1.573.500
784	3 x 300 mm ²	3 x 37s/3,21	1.796.000	1.866.500	1.879.500
785	3 x 350 mm ²	3 x 37s/3,47	2.090.500	2.165.500	2.178.500
786	3 x 400 mm ²	3 x 37s/3,72	2.408.000	2.487.000	2.500.000

Giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT).



CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP ĐIỆN TÀI TRƯỜNG THÀNH LONG AN
 VP Đại diện: 79/35 Đường Âu Cơ, P.14, Q.11, TP.HCM
 VP Kinh doanh: 192 Trần Đại Nghĩa, KP4, P. Tân Tạo A, Q.Bình Tân, Tp.HCM.
 ĐT: (028) 3 7565525 – 3 7565526 ; Fax : (028) 37565528
 Website : www.tttcable.com - Email: taitruongthanh@tttcable.com



Số 03/2019/BG.TTT

Ngày 10/06/2019

Cáp Chống cháy Điện Lực (3+ 1) Lõi Đồng, Cách Điện XLPE, Vỏ PVC 0,6/1KV

STT	QUI CÁCH	KẾT CẤU	FRCXV	FRCXV/DSTA/PVC	FRCXV/DSTA/PVC Có phân cách
			Đơn giá: VNĐ/ mét		
787	3 x 1.5 + 1 x 1.0	3 x 7/0,52 + 7/0,43	21.600		
788	3 x 2.0 + 1 x 1.0	3 x 7/0,60 + 7/0,43	24.900		
789	3 x 2.5 + 1 x 1.5	3 x 7/0,67 + 7/0,52	29.500		
790	3 x 3.5 + 1 x 1.5	3 x 7/0,80 + 7/0,52	36.100		44.300
791	3 x 4.0 + 1 x 2.0	3 x 7/0,85 + 7/0,60	40.600		49.100
792	3 x 5.0 + 1 x 2.5	3 x 7/0,95 + 7/0,67	48.000		57.000
793	3 x 6.0 + 1 x 4.0	3 x 7/1,04 + 7/0,85	56.900	62.800	66.400
794	3 x 7.0 + 1 x 4.0	3 x 7/1,13 + 7/0,85	63.600	69.500	73.100
795	3 x 8.0 + 1 x 4.0	3 x 7/1,20 + 7/0,85	69.100	75.200	78.900
796	3 x 10 + 1 x 6.0	3 x 7/1,35 + 7/1,04	86.500	93.500	97.200
797	3 x 11 + 1 x 6.0	3 x 7/1,41 + 7/1,04	92.000	99.500	103.200
798	3 x 14 + 1 x 8.0	3 x 7/1,60 + 7/1,20	114.000	121.000	125.000
799	3 x 16 + 1 x 8.0	3 x 7/1,70 + 7/1,20	125.000	132.500	136.500
800	3 x 16 + 1 x 10	3 x 7/1,70 + 7/1,35	130.000	137.500	141.500
801	3 x 22 + 1 x 11	3 x 7/2,00 + 7/1,41	167.000	175.500	180.000
802	3 x 25 + 1 x 11	3 x 7/2,14 + 7/1,41	187.500	197.000	201.500
803	3 x 25 + 1 x 16	3 x 7/2,14 + 7/1,70	200.000	210.000	214.500
804	3 x 30 + 1 x 14	3 x 7/2,30 + 7/1,60	219.000	229.500	234.000
805	3 x 35 + 1 x 14	3 x 7/2,52 + 7/1,60	251.500	262.500	267.000
806	3 x 35 + 1 x 16	3 x 7/2,52 + 7/1,70	255.000	266.500	271.000
807	3 x 38 + 1 x 16	3 x 7/2,62 + 7/1,70	271.500	283.500	288.000
808	3 x 50 + 1 x 25	3 x 19/1,82 + 7/2,14	359.000	387.000	395.500
809	3 x 50 + 1 x 35	3 x 19/1,82 + 7/2,52	378.000	406.500	415.000
810	3 x 70 + 1 x 35	3 x 19/2,14 + 7/2,52	487.000	532.500	541.000
811	3 x 70 + 1 x 50	3 x 19/2,14 + 19/1,82	516.500	563.500	572.000
812	3 x 75 + 1 x 35	3 x 19/2,24 + 7/2,52	524.500	571.500	580.000
813	3 x 95 + 1 x 50	3 x 19/2,52 + 19/1,82	669.000	735.000	743.500
814	3 x 95 + 1 x 70	3 x 19/2,52 + 19/2,14	706.500	773.000	781.500
815	3 x 100 + 1 x 50	3 x 19/2,60 + 19/1,82	704.500	770.000	778.500
816	3 x 120 + 1 x 60	3 x 19/2,82 + 19/2,00	838.000	903.500	912.000
817	3 x 120 + 1 x 70	3 x 19/2,82 + 19/2,14	855.500	921.000	929.500
818	3 x 150 + 1 x 70	3 x 37/2,28 + 19/2,14	1.037.000	1.102.500	1.111.000
819	3 x 150 + 1 x 95	3 x 37/2,28 + 19/2,52	1.091.000	1.156.500	1.165.000
820	3 x 185 + 1 x 95	3 x 37/2,52 + 19/2,52	1.278.000	1.344.000	1.352.500
821	3 x 200 + 1 x 95	3 x 37/2,62 + 19/2,52	1.371.500	1.437.000	1.445.500
822	3 x 240 + 1 x 120	3 x 37/2,87 + 19/2,82	1.661.500	1.728.000	1.736.500
823	3 x 250 + 1 x 120	3 x 37/2,93 + 19/2,82	1.710.500	1.779.000	1.787.500
824	3 x 300 + 1 x 150	3 x 37/3,21 + 37/2,28	2.058.000	2.128.000	2.136.500
825	3 x 350 + 1 x 150	3 x 37/3,47 + 37/2,28	2.420.500	2.492.000	2.500.500
826	3 x 400 + 1 x 200	3 x 37/3,72 + 37/2,62	2.746.500	2.845.000	2.857.500



CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP ĐIỆN TÀI TRƯỜNG THÀNH LONG AN
 VP Đại diện: 79/35 Đường Âu Cơ, P.14, Q.11, TP.HCM
 VP Kinh doanh: 192 Trần Đại Nghĩa, KP4, P. Tân Tạo A, Q.Bình Tân, Tp.HCM.
 ĐT: (028) 3 7565525 – 3 7565526 ; Fax : (028) 37565528
 Website : www.tttcable.com - Email: taitruongthanh@tttcable.com



Số 03/2019/BG.TTT

Ngày 10/06/2019

Cáp Chống cháy Điện Lực 4 Lõi Đồng(bằng nhau), Cách Điện XLPE, Vỏ PVC 0,6/1KV
 Sản phẩm đạt chất lượng theo TCVN

STT	QUI CÁCH	KẾT CẤU	FRCXV	FRCXV/DSTA/PVC (Giáp thép)	FRCXV/DSTA/PVC Có phân cách (Giáp thép)
				Đơn giá: VND / mét	
827	4 x 1.5	4 x 7/0,52	22.700		
828	4 x 2.0	4 x 7/0,6	27.200		
829	4 x 2.5	4 x 7/0,67	31.900		
830	4 x 3.5	4 x 7/0,80	40.900		49.500
831	4 x 4.0	4 x 7/0,85	45.200		54.000
832	4 x 5.0	4 x 7/0,95	53.700		62.900
833	4 x 6.0	4 x 7/1,04	61.200	67.100	70.600
834	4 x 7.0	4 x 7/1,13	70.100	76.100	79.700
835	4 x 8.0	4 x 7/1,20	77.500	83.900	87.600
836	4 x 10	4 x 7/1,35	94.000	101.000	104.700
837	4 x 11	4 x 7/1,41	101.500	109.000	113.000
838	4 x 14	4 x 7/1,60	126.500	134.500	138.500
839	4 x 16	4 x 7/1,70	141.000	149.000	153.000
840	4 x 22	4 x 7/2,00	191.000	201.000	206.000
841	4 x 25	4 x 7/2,14	216.500	226.500	232.000
842	4 x 30	4 x 7/2,30	247.000	258.000	263.500
843	4 x 35	4 x 7/2,52	291.500	304.000	310.500
844	4 x 38	4 x 7/2,62	314.000	327.000	333.500
845	4 x 50	4 x 19/1,82	406.000	435.500	444.500

Giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT).

- Ngoài các quy cách trên, Công ty TTT sản xuất các quy cách khác theo yêu cầu Khách hàng,
- Giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT) và phí thử nghiệm sản phẩm của Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu Chuẩn Đo Lường Chất Lượng 3.
- Sản phẩm sản xuất theo Hệ Thống Quản Lý Chất Lượng ISO 9001 – 2015; được Phòng KCS kiểm tra, thử nghiệm trước khi xuất xưởng và cung cấp Phiếu Kiểm Nghiệm Xuất Xưởng khi giao hàng.
- Điện thoại liên hệ : **0283 756 5525 – 0283 756 5526 – Fax: 0283 756 5528 – 0283 756 5529**
- Email: taitruongthanh@tttcable.com

Tất cả Bảng giá phát hành trước đây không còn giá trị.

CÔNG TY CP CÁP ĐIỆN TÀI TRƯỜNG THÀNH LONG AN
TỔNG GIÁM ĐỐC

